

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 3600662561 do Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02/01/2004 và cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 09/12/2017)



DNP
Do better

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 30/GCN-UBCK. do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/06/2018)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày .../.../2018, tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Trụ sở chính : Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai

Chi nhánh tại HN: Tầng 23, Tòa nhà Handico, Đường Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 0613.836 843

Fax: 0613.836 174

Website : dnpcorp.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Trụ sở chính : Tầng 5, Tòa nhà Artex, 172 Ngọc Khánh, P. Giảng Võ, Q.Ba Đình, Tp. Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 6276 2666

Fax: (84.24) 6276 5666

Website : www.agriseco.com.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên : Ông Trịnh Kiên

Chức vụ: Giám đốc khách hàng chiến lược

Điện thoại : 0613.836 843

Fax: 0613.836 174

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 3600662561 do Sở KH & ĐT Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02/01/2004 và cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 09/12/2017)

**DNP**
Do better**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG**

| | |
|---|--|
| ❖ Tên cổ phiếu | : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai |
| ❖ Loại cổ phiếu | : Cổ phiếu phổ thông |
| ❖ Mệnh giá | : 10.000 đồng/cổ phần |
| ❖ Giá bán cho cổ đông hiện hữu | : 10.000 đồng/cổ phần |
| ❖ Giá chào bán nhà đầu tư riêng lẻ | : 12.000 đồng/cổ phần |
| ❖ Tổng số lượng chào bán: | : 38.000.000 cổ phần |
| Trong đó: | |
| – Phát hành cổ phiếu trả cổ tức | : 6.500.000 cổ phần |
| – Chào bán cho cổ đông hiện hữu | : 21.500.000 cổ phần |
| – Phát hành cổ phiếu riêng lẻ | : 10.000.000 cổ phần |
| ❖ Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá) | : 380.000.000.000 đồng |

TỔ CHỨC TƯ VẤN**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM (AGRISECO)**

Trụ sở chính : Tầng 5, Tòa nhà Artex, 172 Ngọc Khánh, P. Giảng Võ, Q. Ba Đình, Hà Nội
 Điện thoại : (84.24) 6276 2666 Fax: (84.24) 6276 5666
 Website : www.agriseco.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM****Trụ sở chính**

Địa chỉ : Tầng 2, Tòa nhà Indochina, 4 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Quận 1, HCM
 Điện thoại : 84-(08)-2220 0237 Fax: +84-(08)- 2220 0265
 Website : <http://pkf.afcvietnam.vn>

Chi nhánh phía Bắc

Địa chỉ : Phòng 709, Sunrise Building, 90 Trần Thái Tông, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
 Điện thoại : (84.24) 3200 2016 | Fax: (84.24) 3200 2016



MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| PHẦN I: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO | 1 |
| 1. RỦI RO VỀ KINH TẾ | 1 |
| 2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP | 3 |
| 3. RỦI RO ĐẶC THÙ | 4 |
| 4. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN VÀ CỦA VIỆC SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN..... | 4 |
| 5. RỦI RO PHA LOÃNG CỔ PHIẾU | 5 |
| 6. RỦI RO QUẢN TRỊ CÔNG TY | 8 |
| 7. RỦI RO KHÁC | 8 |
| PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH | 9 |
| 1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH | 9 |
| 2. TỔ CHỨC TƯ VẤN | 9 |
| PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT | 10 |
| PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH | 12 |
| 1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN | 12 |
| 2. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA TỔNG CÔNG TY | 16 |
| 3. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, CỔ ĐÔNG LỚN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP | 22 |
| 4. CÔNG TY MẸ, CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY, NHỮNG CÔNG TY MÀ CÔNG TY ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH | 23 |
| 5. QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY..... | 24 |
| 6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 25 |
| 7. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 02 NĂM GẦN NHẤT VÀ ĐẾN QUÝ GẦN NHẤT | 41 |
| 8. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH..... | 42 |
| 9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG | 44 |
| 10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC | 45 |
| 11. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH..... | 46 |
| 12. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG | 52 |
| 13. TÀI SẢN..... | 61 |
| 14. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM TIẾP THEO | 62 |
| 15. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC..... | 63 |
| 16. THỜI HẠN DỰ KIẾN ĐƯA CỔ PHIẾU VÀO GIAO DỊCH TRÊN THỊ TRƯỜNG CÓ TỔ CHỨC | 63 |



| | | |
|---|---|-----------|
| 17. | THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY | 64 |
| 18. | CÁC THÔNG TIN TRANH CHẤP, KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY..... | 64 |
| PHẦN V: CỔ PHIẾU CHÀO BÁN..... | | 65 |
| 1. | LOẠI CỔ PHIẾU | 65 |
| 2. | MỆNH GIÁ..... | 65 |
| 3. | TỔNG SỐ CỔ PHIẾU DỰ KIẾN CHÀO BÁN | 65 |
| 4. | GIÁ CHÀO BÁN DỰ KIẾN..... | 66 |
| 5. | PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ..... | 66 |
| 6. | PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI..... | 67 |
| 7. | THỜI GIAN PHÂN PHỐI | 67 |
| 8. | ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHIẾU | 69 |
| 9. | PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN QUYỀN..... | 69 |
| 10. | CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN MUA CỔ PHIẾU | 70 |
| 11. | PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ CỔ PHIẾU LÊ PHÁT SINH DO LÀM TRÒN XUỐNG, SỐ CỔ PHẦN CÒN DƯ DO CẢ ĐỒNG KHÔNG ĐĂNG KÝ MUA HẾT (NẾU CÓ)..... | 70 |
| 12. | GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẤM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI..... | 71 |
| 13. | CÁC HẠN CHẾ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG..... | 71 |
| 14. | CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN | 72 |
| 15. | NGÂN HÀNG MỞ TÀI KHOẢN PHÒNG TỎA NHẬN TIỀN MUA CỔ PHIẾU | 72 |
| PHẦN VI: MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN..... | | 73 |
| PHẦN VII: KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN..... | | 73 |
| 1. | DỰ KIẾN SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH | 73 |
| 2. | KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH | 73 |
| PHẦN VIII: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN..... | | 74 |
| 1. | CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN..... | 74 |
| 2. | Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN | 74 |
| 3. | ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH..... | 75 |
| 4. | CÁC KHOẢN PHÍ VÀ ĐIỀU KIỆN KÈM THEO | 75 |
| PHẦN IX: PHỤ LỤC | | 76 |



DANH MỤC BẢNG

| | |
|---|----|
| Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty..... | 12 |
| Bảng 2: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị tại ngày 31/03/2018..... | 18 |
| Bảng 3: Danh sách Ban Kiểm soát tại ngày 31/03/2018..... | 19 |
| Bảng 4: Thành viên Ban giám đốc..... | 19 |
| Bảng 5: Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty..... | 22 |
| Bảng 6: Cơ cấu cổ đông của Công ty..... | 23 |
| Bảng 7: Danh sách công ty con của Nhựa Đồng Nai tại thời điểm 31/03/2018..... | 23 |
| Bảng 8: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty..... | 24 |
| Bảng 9: Cơ cấu doanh thu hợp nhất qua các năm..... | 29 |
| Bảng 10: Cơ cấu lợi nhuận sau thuế hợp nhất qua các năm..... | 30 |
| Bảng 11: Danh sách các đối tác cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho Công ty..... | 31 |
| Bảng 12: Cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty qua các năm (Hợp nhất)..... | 33 |
| Bảng 13: Thiết bị máy móc dùng trong sản xuất ống nhựa..... | 34 |
| Bảng 14: Danh sách thiết bị dùng trong thi công đường ống..... | 35 |
| Bảng 15: Các chỉ tiêu chất lượng của DNP..... | 36 |
| Bảng 16: Các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết..... | 40 |
| Bảng 17: Kết quả hoạt động năm 2016, 2017 và Quý I/2018..... | 41 |
| Bảng 18: Tình hình lao động của Công ty..... | 44 |
| Bảng 19: Tỷ lệ trả cổ tức của Công ty..... | 46 |
| Bảng 20: Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh hợp nhất của Công ty..... | 46 |
| Bảng 21: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty..... | 47 |
| Bảng 22: Số năm khấu hao TSCĐ hữu hình..... | 49 |
| Bảng 23: Số năm khấu hao TSCĐ thuê tài chính..... | 49 |
| Bảng 24: Mức lương bình quân..... | 50 |
| Bảng 25: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty qua các năm..... | 50 |
| Bảng 26: Số dư các khoản vay của Công ty qua các năm (Hợp nhất)..... | 50 |



| | |
|---|----|
| Bảng 27: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)..... | 51 |
| Bảng 28: Chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty (Hợp nhất)..... | 51 |
| Bảng 29: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty giai đoạn 2016 – 2017..... | 52 |
| Bảng 30: Danh sách Ban lãnh đạo công ty..... | 52 |
| Bảng 31: Tình hình tài sản tính đến ngày 31/12/2017 (Hợp nhất)..... | 61 |
| Bảng 32: Kế hoạch hoạt động kinh doanh và ngân sách tài chính hợp nhất năm 2018..... | 62 |
| Bảng 33: Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu..... | 67 |
| Bảng 34: Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu cho Nhà đầu tư phát hành riêng lẻ..... | 68 |
| Bảng 35: Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành..... | 73 |

DANH MỤC HÌNH, BIỂU ĐỒ

| | |
|--|----|
| Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm (%)..... | 1 |
| Biểu đồ 2: Tốc độ lạm phát qua các năm (%)..... | 2 |
| Hình 3: Sơ đồ tổ chức của Công ty..... | 16 |
| Hình 4: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty..... | 17 |
| Hình 5: Hình ảnh các nhà máy nước..... | 25 |
| Hình 6: Các sản phẩm trong sản xuất ống HDPE và phụ kiện ống HDPE..... | 26 |
| Hình 7: Các sản phẩm trong sản xuất ống nhựa uPVC (21-400mm) và phụ kiện uPVC của DNP .. | 27 |
| Hình 8: Một số sản phẩm túi nhựa bao bì..... | 28 |
| Hình 9: Một số sản phẩm nhựa công nghiệp từ TPP..... | 28 |

PHẦN I: CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. RỦI RO VỀ KINH TẾ

Những biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

1.1 Tốc độ tăng trưởng

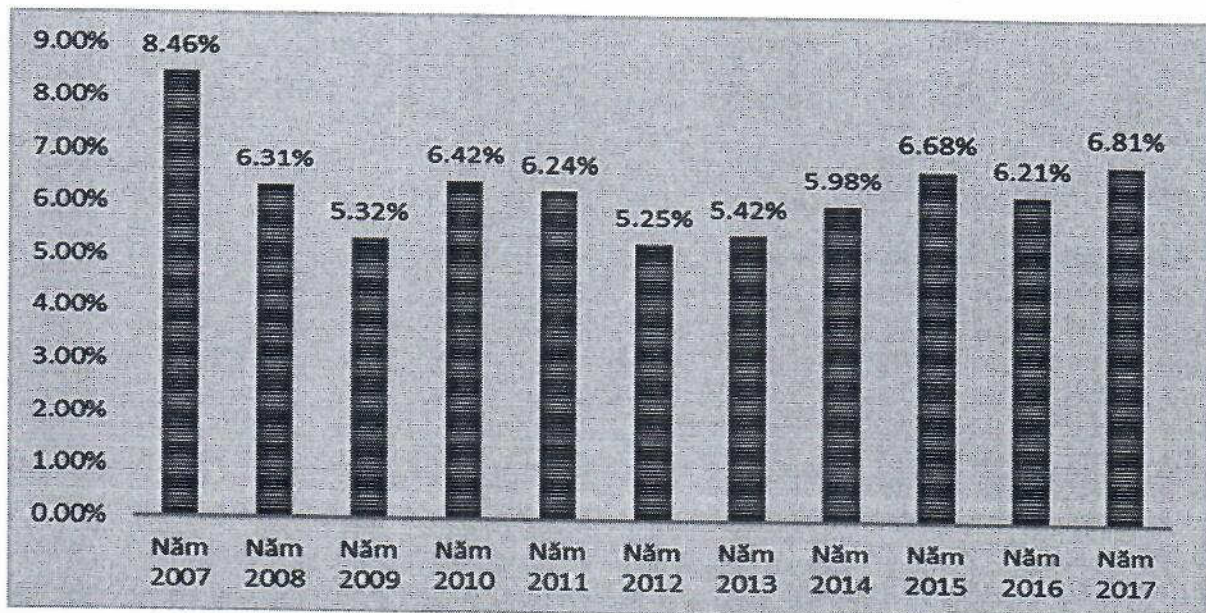
Năm 2017 tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%, vượt chỉ tiêu 6,7% do Quốc hội đề ra, và là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua, theo số liệu mới công bố của Tổng cục thống kê. Đặc biệt, nền kinh tế trong hai quý cuối năm đều ghi nhận mức tăng trưởng trên 7%. Thu nhập bình quân đầu người (GDP/người) cũng được cải thiện đáng kể với con số 2.385 USD/người, tăng 170 USD so với năm trước.

Quy mô nền kinh tế năm 2017 theo giá hiện hành đạt trên 5 triệu tỷ đồng, trong đó khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tiếp tục là thành phần chủ lực, đóng góp 74% vào quy mô nền kinh tế. GDP đầu người năm 2017 đạt 53,5 triệu đồng/năm (2.385 USD), tăng 170 USD so với 2016.

Diễn đàn Kinh tế thế giới xếp hạng năng lực cạnh tranh của Việt Nam tăng 5 bậc, lên thứ 55/137; Ngân hàng Thế giới xếp hạng về môi trường kinh doanh của Việt Nam tăng 14 bậc, lên thứ 68/190 quốc gia, vùng lãnh thổ.

Chỉ số phát triển bền vững của Việt Nam năm 2017 tăng 20 bậc, lên mức 68/157 quốc gia, vùng lãnh thổ.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm (%)



Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Tổng cục Thống kê

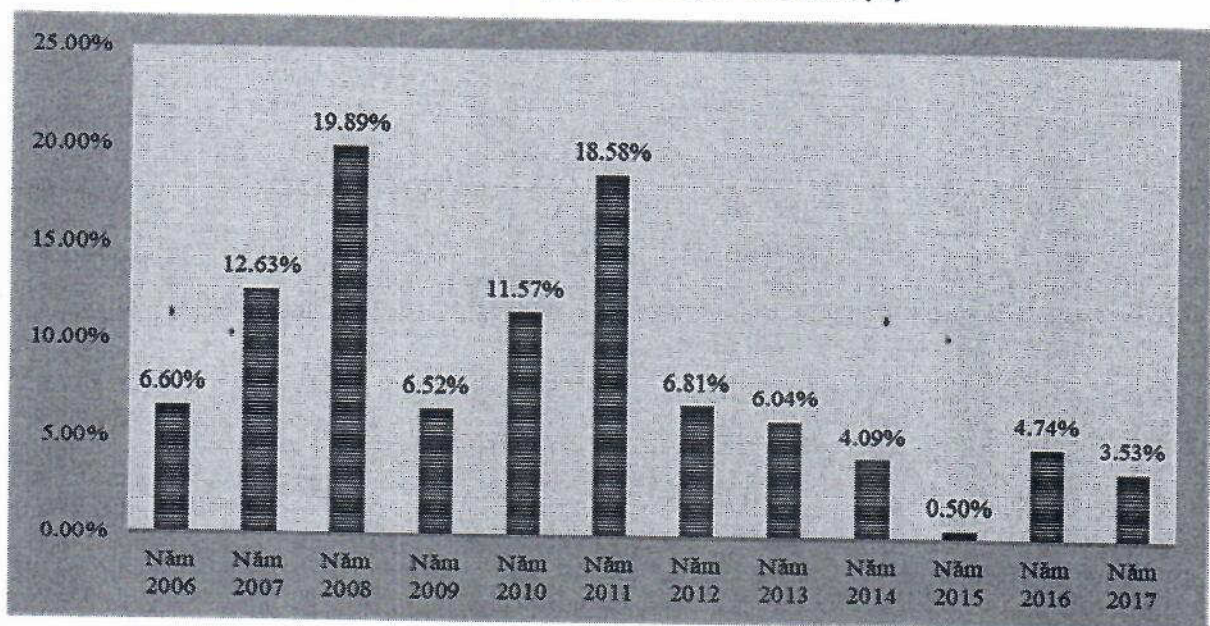
Tốc độ tăng trưởng GDP nhanh sẽ kéo theo tăng đầu tư, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tại thị trường trong nước và ngược lại. Do đó, những biến động của chỉ số GDP ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty nói chung và DNP Corp nói riêng.

1.2 Lạm phát

Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, CPI bình quân cả năm 2017 tăng 3,53%, Chính phủ đã hoàn thành mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4% trong năm 2017. CPI bình quân năm 2017 tăng chủ yếu là do các địa phương điều chỉnh giá dịch vụ y tế, dịch vụ khám chữa bệnh.

Có một số yếu tố góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI năm 2017 như chỉ số giá nhóm thực phẩm bình quân năm giảm 2,6% so với năm 2016 (chủ yếu giảm ở nhóm thịt tươi sống). Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”) đã điều hành chính sách tiền tệ kiên định mục tiêu giữ ổn định vĩ mô và kiểm soát lạm phát.

Biểu đồ 2: Tốc độ lạm phát qua các năm (%)



Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Tổng cục Thống kê

Năm 2018, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, trong đó đề ra chỉ tiêu tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) bình quân ở mức 4%. Dù mục tiêu kiểm soát lạm phát thực hiện trong năm 2017 đã thành công - ở mức 3,53%, song việc kiểm soát lạm phát năm 2018 vẫn đang hiện hữu nhiều thách thức. Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia dự báo, nếu không có yếu tố đột biến và việc giá điện không tăng, lạm phát năm 2018 sẽ tăng ở mức 3,5% - 3,8% so với cùng kỳ. Trong khi mục tiêu đề ra trong năm là 4%.

Tỷ lệ lạm phát nếu được duy trì ổn định ở mức dưới hai con số sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai, giúp Công ty kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, nâng cao được hiệu quả hoạt động kinh doanh.

1.3 Lãi suất

Trong năm 2017, NHNN đã thực hiện đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ để ổn định thị trường tiền tệ, góp phần kiểm soát lạm phát, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho vay và tăng cường khả năng cung ứng tín dụng cho nền kinh tế, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế đạt 6,81% (cao nhất trong 10 năm và cao hơn mục tiêu 6,7%).



Ước cả năm, tổng phương tiện thanh toán (M2) tăng khoảng 16%, sát với chỉ tiêu định hướng đề ra khoảng 16-18% từ đầu năm. Trong điều kiện lãi suất chịu áp lực gia tăng trong 6 tháng đầu năm 2017, NHNN đã nỗ lực điều hành chính sách tiền tệ đảm bảo thanh khoản cho TCTD, duy trì lãi suất liên ngân hàng ở mức hợp lý, góp phần ổn định và giảm mặt bằng lãi suất thị trường. Từ ngày 10/7/2017, để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế NHNN đã giảm 0,25%/năm các mức lãi suất điều hành; giảm 0,5%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên. Kết quả, các TCTD đã giảm 0,5%/năm lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên; tích cực giảm lãi suất thông qua một số chương trình tín dụng hỗ trợ phát triển doanh nghiệp với lãi suất thấp hơn trần của NHNN (thấp hơn khoảng 0,5-1%/năm); giảm lãi suất một số chương trình cho vay trung dài hạn đối với lĩnh vực ưu tiên xuống còn khoảng 8%/năm; triển khai các gói tín dụng ngắn hạn và trung dài hạn đa dạng với lãi suất ưu đãi cho các ngành thiết yếu trong phát triển kinh tế và an sinh xã hội; áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn đối với khách hàng có tình hình tài chính lành mạnh, xếp hạng tín nhiệm cao khoảng 4-5%/năm.

Năm 2018 NHNN định hướng tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 16%, tín dụng tăng khoảng 17%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước đã định hướng năm 2018, ngành ngân hàng tiếp tục phấn đấu giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ doanh nghiệp và nền kinh tế theo chỉ đạo của Chính phủ. Theo đó, bám sát diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, ngoại hối, NHNN sẽ xem xét, cân nhắc điều chỉnh linh hoạt lãi suất trên thị trường mở (OMO) để hỗ trợ TCTD có điều kiện giảm lãi suất cho vay với thời điểm và liều lượng phù hợp.

Đồng thời, NHNN cũng đã yêu cầu các TCTD vào cuộc cùng NHNN để phát thông điệp mạnh mẽ ngành ngân hàng phấn đấu giảm lãi suất cho vay hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ. Ngay sau Hội nghị, trên cơ sở cân đối tổng thể cung - cầu, NHNN đã điều chỉnh giảm mức niêm yết lãi suất chào mua OMO từ 5%/năm xuống còn 4,75%/năm để hỗ trợ các TCTD có điều kiện giảm lãi suất cho vay.

Nợ phải trả của DNP Corp tăng dần qua các năm, chủ yếu là ở khoản vay nợ ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh đang được mở rộng. Ngoài ra, Công ty cũng có thêm khoản vay dài hạn phục vụ cho việc đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước – dự kiến sẽ mang lại lợi nhuận tiềm năng cho Công ty. Do đó, nhân tố lãi suất cũng có tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.4 Tỷ giá

Nguồn nguyên liệu chính sản xuất sản phẩm của Công ty chủ yếu là phải nhập khẩu (thanh toán bằng ngoại tệ). Để giảm thiểu ảnh hưởng của loại rủi ro này, Công ty đã tiến hành dự báo biến động giá cả sản phẩm đầu vào, nhằm chủ động trong khâu nhập khẩu và tồn trữ vào thời điểm thích hợp, chủ động trong việc mua bán ngoại tệ vào thời điểm hợp lý phục vụ công tác mua hàng. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đang tích cực có những quyết sách phù hợp để ổn định vĩ mô trong đó có việc ổn định tỷ giá ngoại tệ.

2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP



Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các bộ luật về thuế quan, và các quy định pháp luật khác của Việt Nam. Ngoài ra, DNP Corp chịu sự điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các lĩnh vực ngành nghề hoạt động hiện nay của DNP Corp, các quy định về xuất nhập khẩu, cũng như những quy định và chính sách của nước nhập khẩu sản phẩm của Việt Nam.

Việt Nam hiện là quốc gia đang phát triển, khung pháp lý và luật pháp chưa theo kịp với tốc độ phát triển kinh tế. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những kết quả không mong đợi, ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản trị điều hành của DNP Corp.

Là một doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ năm 2004 và niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) từ năm 2005, đến nay tập thể lãnh đạo và nhân viên của DNP Corp đã thích ứng được với cơ chế hoạt động của công ty cổ phần cũng như nắm bắt khá đầy đủ những quy định, chính sách về công ty đại chúng niêm yết.

Để hạn chế rủi ro này, các bộ phận chức năng của DNP Corp đã thường xuyên cập nhật các văn bản pháp lý để kịp thời dự báo và có sự chuẩn bị nhằm thích ứng với những thay đổi của chính sách. Đồng thời, nghiên cứu các quy định, chính sách cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát hàng hóa của các nước mà DNP Corp có quan hệ hợp tác để nhằm hạn chế những rủi ro về mặt pháp lý trong giao dịch.

3. RỦI RO ĐẶC THÙ

3.1 Rủi ro biến động giá nguyên liệu

Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Vì vậy, biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Công ty chủ yếu nhập khẩu nguồn nguyên liệu từ nước ngoài. Vì vậy, với tình hình biến động thường xuyên về giá xăng dầu, về tình hình chính trị trên thế giới, những biến động trên sẽ gây ra sự khan hiếm và tăng giá nguyên liệu làm ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nếu Công ty không có chính sách dự trữ hợp lý.

3.2 Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành

Theo các chuyên gia trong ngành, dù tăng trưởng khả quan và đầu tư bài bản, nhưng nhìn chung, doanh nghiệp nhựa vẫn chưa hoàn toàn lạc quan vì vẫn phải đối đầu với nhiều thách thức, nhất là từ năm 2016, hàng rào phi thuế quan được dỡ bỏ thì áp lực cho doanh nghiệp trong nước càng lớn. Đồng thời, trong nước nhiều Doanh nghiệp lớn đã gia nhập ngành nhựa, gây nên sức ép cạnh tranh rất lớn trong ngành, điều này có thể cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của công ty.

4. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN VÀ CỦA VIỆC SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

4.1 Rủi ro của đợt chào bán



Đợt chào bán này không được bảo lãnh phát hành nên có khả năng cổ phiếu của DNP Corp không được chào bán hết, điều này gây ảnh hưởng đến kế hoạch bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của DNP Corp. Trong trường hợp cổ phiếu không được mua hết, số tiền thu về không đáp ứng được mục đích bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của DNP Corp. Công ty sẽ phải tìm nguồn vốn khác để bổ sung. Ngoài ra, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phân phối số lượng cổ phiếu không được cổ đông đặt mua hết cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện không ưu đãi hơn so với cho cổ đông hiện hữu. Trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện mua hết số cổ phần chào bán, Hội đồng quản trị sẽ xem xét chào bán cho các đối tượng khác nhưng vẫn đảm bảo giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Với kết quả kinh doanh đã đạt được trong những năm qua cùng với tiềm năng, triển vọng phát triển của Công ty trong thời gian tới, cổ phiếu DNP Corp sẽ thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư. Hơn nữa, trong đợt chào bán này, cổ phiếu phát hành thêm của Công ty được chào bán ở mức giá 10.000 đồng/cổ phiếu, thấp hơn so với giá thị trường của cổ phiếu DNP Corp. Do đó, khả năng thành công của đợt chào bán cổ phiếu này là rất cao.

4.2 Rủi ro của việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để trả các khoản nợ vay của Công ty. Do đó giảm bớt gánh nặng chi phí tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Theo đó, tính rủi ro được đánh giá là không cao.

5. RỦI RO PHA LOÃNG CỔ PHIẾU

Sau khi phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của DNP Corp cũng tăng lên tương ứng.

| | | |
|---|-----------------|---------------------|
| Tổng số cổ phần (cổ phần) | (1) | 50.009.272 |
| Cổ phiếu quỹ (cổ phần) | (2) | 10 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phần) | (3) = (1) – (2) | 50.009.262 |
| Số lượng cổ phần chào bán | (4) | 28.000.000 |
| - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017 (100:12,997) | | 6.500.000 |
| - Chào bán cho cổ đông hiện hữu (100:42,992) | | 21.500.000 |
| - Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu | | 10.000 đồng/cổ phần |
| Tỷ lệ pha loãng (%) | (5) | 55,99% |
| Số lượng cổ phiếu lưu hành sau khi chào bán (cổ phần) | (6) = (3) + (4) | 88.009.262 |

Sau khi lượng cổ phiếu chào bán này chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường, Nhà đầu tư nên lưu ý một số vấn đề sau:

❖ Điều chỉnh kỹ thuật giá của cổ phiếu DNP Corp trên thị trường:



Hiện nay, Công ty đã niêm yết tại HNX với mã DNP, Nhà đầu tư cần lưu ý việc giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh kỹ thuật trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phần được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tính toán theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{R1})}{1 + I_1 + I_2}$$

Trong đó:

- P_{tc} : Giá tham chiếu điều chỉnh trong ngày giao dịch không hưởng quyền
- PR_{t-1} : Giá tham chiếu trước điều chỉnh
- P_{R1} : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu
- I_1 : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu
- I_2 : Tỷ lệ vốn tăng do phát hành cổ tức bằng cổ phiếu
- I_3 : Tỷ lệ vốn tăng do phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu

Ví dụ:

Giá sử dụng của cổ phiếu DNP Corp vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 20.000 đồng/cổ phiếu (PR_{t-1}). Tổng số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu là 28.000.000 cổ phiếu.

Như vậy, tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu của DNP Corp sẽ được điều chỉnh như sau:

$$P_{tc} = \frac{20.000 + (0,42992 \times 10.000)}{1 + 0,12997 + 0,42992} = \frac{24.299,2}{1,55989} = 15.578 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

5.1 Rủi ro pha loãng Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS):

Theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 – Lãi cơ bản trên một cổ phiếu:

EPS = Lợi nhuận sau thuế/Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân

$$\text{SL cổ phiếu lưu hành bình quân} = \frac{X \cdot 12 + Y \cdot t}{12}$$

- ✓ X: Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành
- ✓ Y: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm
- ✓ t: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm



Lãi chia cho cổ đông

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lãi chia cho cổ đông}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận.

Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (*giả định*) là: 6 tháng

Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ là:

$$\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{50.009.262 \cdot 12 + 28.000.000 \cdot 6}{12} = 69.009.262 \text{ cổ phiếu}$$

Lợi nhuận sau thuế năm 2018 của DNP Corp (*dự kiến*) là: 150.000.000.000 đồng.

So sánh EPS năm 2018 trong 2 trường hợp sau:

| TT | Nội dung | Không phát hành (đồng) | Phát hành (đồng) |
|----|--------------------------|------------------------|------------------|
| 1. | Lợi nhuận sau thuế | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| 2. | Số CP lưu hành bình quân | 50.009.262 | 69.009.262 |
| 3. | EPS | 2.999 | 2.174 |

Sau khi chào bán, EPS năm 2018 của DNP bị giảm 27,5% so với trước khi chào bán.

5.2 Rủi ro pha loãng Giá trị sổ sách của cổ phần (BV):

Công thức tính:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phần (BV)} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{(\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành} - \text{cổ phiếu quỹ})}$$

Sau khi hoàn thành đợt phát hành, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Với việc phát hành thêm cổ phiếu với giá thấp hơn giá trị sổ sách, trong thời gian ngắn ngay sau khi phát hành do tỷ lệ tăng số lượng cổ phiếu lưu hành lớn hơn tỷ lệ tăng của vốn chủ sở hữu nên sẽ làm giảm giá trị sổ sách 01 cổ phiếu của Công ty.

Ví dụ:

Tại thời điểm 31/12/2017, vốn chủ sở hữu của DNP là 968.425.840.770 đồng. Trong trường hợp DNP hoàn thành việc chào bán cho cổ đông hiện hữu, thì vốn chủ sở hữu của DNP sẽ tăng thêm 280.000.000.000 đồng. Với các giả định và dự kiến lợi nhuận như trên, ta có bảng so sánh sau:

So sánh BV năm 2018 trong 2 trường hợp sau:

| Stt | Nội dung | Không phát hành (đồng) | Phát hành (đồng) |
|-----|----------------|------------------------|-------------------|
| 1. | Vốn chủ sở hữu | 968.425.840.770 | 1.248.425.840.770 |
| 2. | Số CP lưu hành | 50.009.262 | 88.009.262 |
| 3. | BV | 19.364 | 14.185 |



5.3 Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:

Do việc phát hành được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu nên sẽ không làm giảm tỷ lệ nắm giữ, quyền biểu quyết của các cổ đông nếu các cổ đông thực hiện quyền đầy đủ. Trong trường hợp cổ đông từ bỏ hoặc chuyển nhượng quyền có thể làm giảm tỷ lệ sở hữu, giảm tỷ lệ biểu quyết tương ứng.

6. RỦI RO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đối với bất kỳ công ty nào thì việc lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng quan trọng trong chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp.

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông và các nhà đầu tư khác.

Đối với DNP Corp, dự kiến sau khi phát hành quy mô vốn điều lệ của Công ty tăng từ 500,092 tỷ đồng lên 880,092 tỷ đồng. Việc quy mô tăng nhanh sẽ kéo theo những khó khăn, rủi ro về mặt quản trị Công ty cũng như quản lý, sử dụng nguồn vốn, nhân lực sao cho hiệu quả nhất. Mặc dù vậy, DNP Corp đã có bề dày lịch sử hoạt động cùng đội ngũ lãnh đạo tâm huyết với ngành nghề hoạt động, do vậy phần nào hạn chế được rủi ro này.

7. RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính chất bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn, cháy nổ... Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên đánh giá nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy...đồng thời lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho hàng hóa và tài sản của Công ty.



PHẦN II: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

| | | |
|-----|------------------------|-------------------------------------|
| Ông | Vũ Đình Độ | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| Ông | Nguyễn Văn Hiếu | Chức vụ: Tổng giám đốc |
| Ông | Hoàng Anh Tuấn | Chức vụ: Kế toán trưởng |
| Bà | Trần Minh Trang | Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

| | | |
|-----|-------------------------|------------------------|
| Ông | Đình Ngọc Phương | Chức vụ: Tổng Giám đốc |
|-----|-------------------------|------------------------|

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng Tư vấn với Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai cung cấp.



PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Trong Bản cáo bạch này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

| | |
|----------------------------|--|
| Bản cáo bạch: | Bản công bố thông tin của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán. |
| Cổ đông: | Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. |
| Điều lệ: | Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai thông qua. |
| Vốn điều lệ: | Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. |
| Cổ phần: | Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. |
| Cổ phiếu: | Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. |
| Người có liên quan: | Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none">- Công ty mẹ và công ty con (nếu có).- Công ty và người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của công ty đó thông qua các cơ quan quản lý công ty.- Công ty và những người quản lý công ty.- Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty.- Bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của người quản lý công ty, thành viên công ty, cổ đông có cổ phần chi phối. |

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội, Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 15/09/2012 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

| | |
|-----------------------------------|---------------------------------------|
| Nhựa Đồng Nai/DNP/DNP Corp | Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai |
| TPP | Công ty cổ phần Nhựa Tân Phú |
| BKS | Ban kiểm soát |
| DHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| HĐQT | Hội đồng quản trị |
| CTCP | Công ty cổ phần |
| VSD | Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam |
| DHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |




| | |
|-----------------|--|
| ĐVT | Đơn vị tính |
| HĐKD | Hoạt động kinh doanh |
| KHKD | Kế hoạch kinh doanh |
| LNTT | Lợi nhuận trước thuế |
| AGRISECO | Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam |
| BCTC | Báo cáo tài chính |
| UBCKNN | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| VNĐ | Đơn vị tiền tệ của Việt Nam |
| CBCNV | Cán bộ công nhân viên |
| TNHH | Trách nhiệm hữu hạn |
| CMND | Chứng minh nhân dân |
| CP | Cổ phần |
| TSCĐ | Tài sản cố định |
| GDP | Tổng sản phẩm quốc nội |
| CNTT | Công nghệ thông tin |
| PR | Quan hệ công chúng |
| TGD | Tổng Giám đốc |
| CNĐKDN | Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |
| Tp. | Thành phố |
| QLDN | Quản lý doanh nghiệp |
| ĐBVSMT | Đảm bảo vệ sinh môi trường |
| CNTT | Công nghệ thông tin |

Các nhóm từ tài chính trong Bản cáo bạch này được hiểu như sau:

| | |
|------------------|--|
| EPS | Thu nhập trên mỗi cổ phần |
| ROA | Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản |
| ROAA | Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Trung bình tổng tài sản |
| ROE | Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu |
| Thuế TNDN | Thuế thu nhập doanh nghiệp |
| TTS | Tổng tài sản |
| DTT | Doanh thu thuần |

PHẦN IV: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN****1.1 Giới thiệu chung về Công ty**

| | | |
|-----------------------|---|--|
| Tên đầy đủ | : | Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai |
| Tên giao dịch quốc tế | : | Dongnai Plastic Joint - Stock Company |
| Tên viết tắt | : | Donaplast |
| Trụ sở chính | : | Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai |
| Chi nhánh tại Hà Nội | : | Tầng 23, Tòa nhà Handico, Đường Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội |
| Điện thoại | : | 0613.836 843 Fax: 0613.836 174 |
| Website | : | http://www.dnpcorp.vn |
| Logo | : |  |
| Vốn điều lệ | : | 500.092.720.000 VNĐ (Năm trăm tỷ, không trăm chín mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng) |
| Giấy CNĐKDN | : | Giấy CNĐKDN số 3600662561 do Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02/01/2004 và cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 09/12/2017 |
| Mã số thuế | : | 3600662561 |

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai theo danh mục ngành nghề đăng ký với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai như sau:

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|--|-----------------|
| 1. | Sản xuất sản phẩm từ plastic <i>Chi tiết: Sản xuất ống nhựa, phụ kiện và các sản phẩm nhựa. (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)</i> | 2220 (Chính) |
| 2. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Sản xuất diêm quẹt. (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)</i> | 2029 |
| 3. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao <i>Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ mới. (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)</i> | 2395 |
| 4. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 1410 |

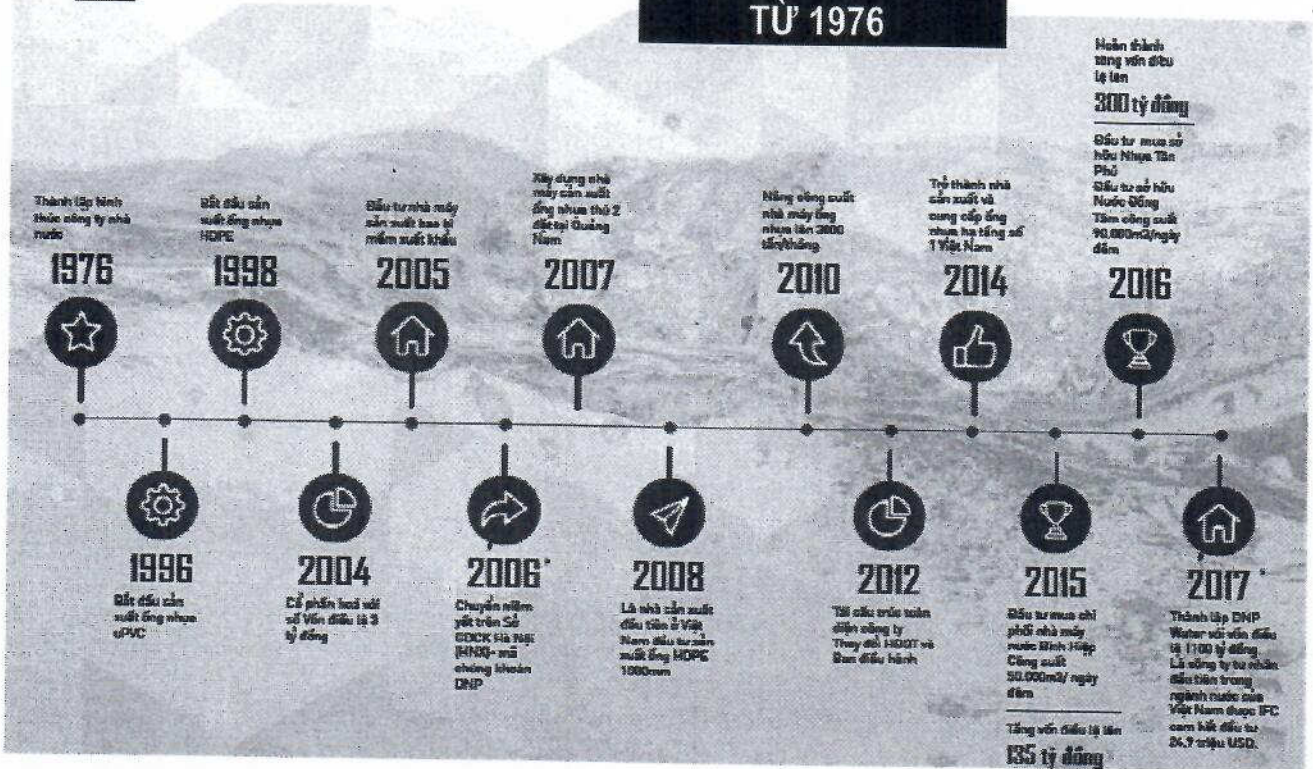


| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| | <i>Chi tiết: Sản xuất sản phẩm may mặc xuất khẩu. (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)</i> | |
| 5. | <i>In ấn (trừ in tráng bao bì kim loại và in trên các sản phẩm vải, sợi dệt may, đan) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)</i> | 1811 |
| 6. | <i>Dịch vụ liên quan đến in (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)</i> | 1812 |
| 7. | <i>Bưu chính Chi tiết: Đại lý bưu điện. (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)</i> | 5310 |
| 8. | <i>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất của doanh nghiệp.</i> | 4669 |
| 9. | <i>Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng nhà lắp ghép. Xây dựng công trình dân dụng.</i> | 4100 |
| 10. | <i>Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông.</i> | 4210 |
| 11. | <i>Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi.</i> | 4220 |
| 12. | <i>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp.</i> | 4290 |
| 13. | <i>Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng.</i> | 4312 |
| 14. | <i>Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Xây dựng công trình điện</i> | 4321 |
| 15. | <i>Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Xây dựng công trình nước, cấp thoát nước.</i> | 4322 |
| 16. | <i>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị ngành in.</i> | 4659 |
| 17. | <i>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)</i> | 4933 |
| 18. | <i>Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa. (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)</i> | 7911 |
| 19. | <i>Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Dịch vụ du lịch. (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)</i> | 7920 |

1.3 Quá trình hình thành và phát triển

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

40 NĂM PHÁT TRIỂN
TỪ 1976



1.4 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi



VISION

"DNP Corp theo đuổi mục tiêu trở thành Công ty Việt Nam tầm cỡ quốc tế với sức mạnh cạnh tranh vượt trội tại hai lĩnh vực **NƯỚC SẠCH** và **SẢN XUẤT NHỰA**"



MISSION

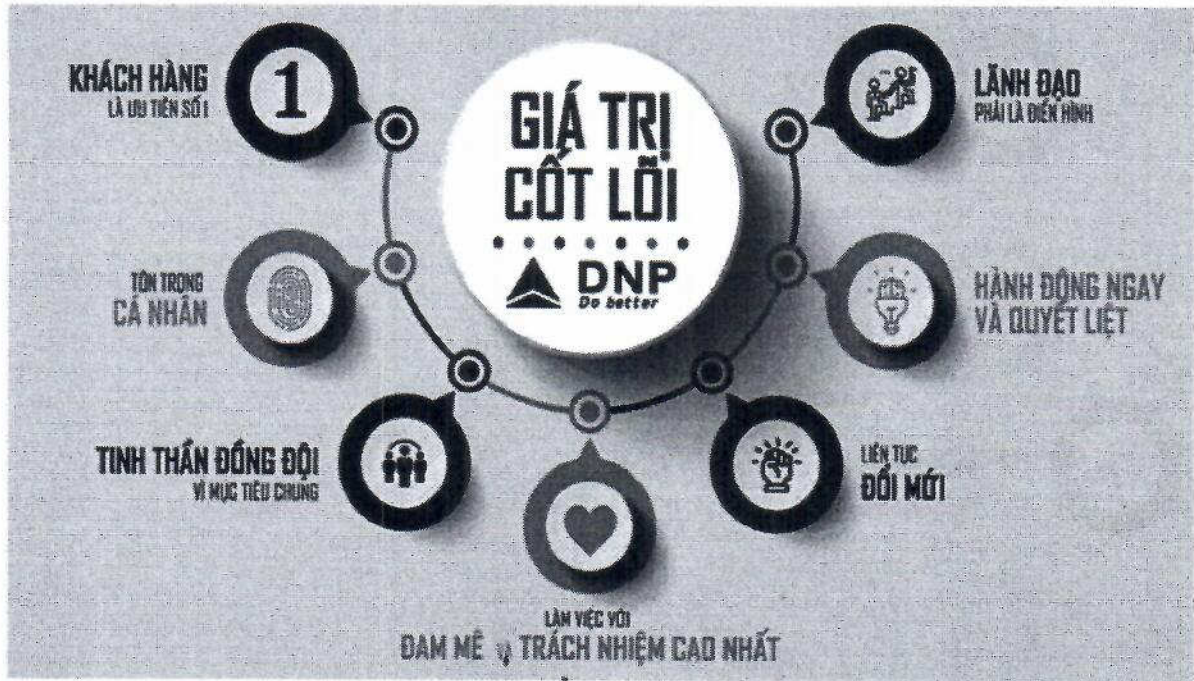
"Chúng tôi cam kết đầu tư lâu dài cho ngành nước bằng tất cả nguồn lực với niềm đam mê cao nhất, tiên phong ứng dụng công nghệ cao, tạo dựng giải pháp đột phá trong mô hình cấp nước sạch cho mọi người dân Việt Nam"



CORE - VALUE

DNP CORP

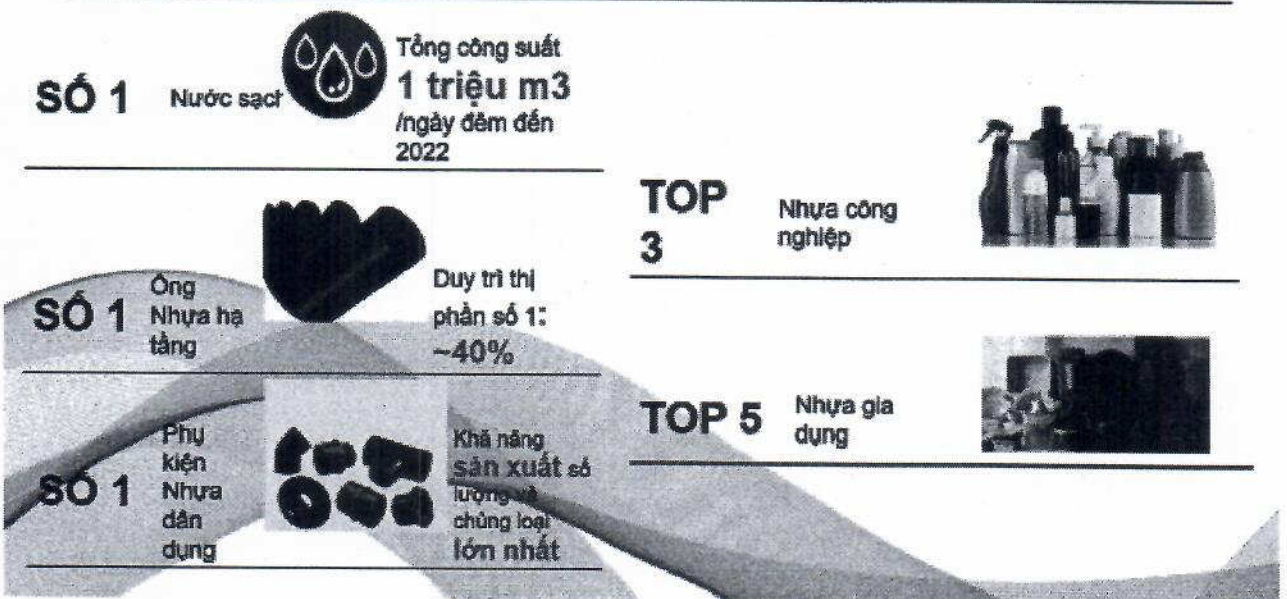
GIÁ TRỊ CỐT LÕI



1.5 Chiến lược, mục tiêu phát triển

DNP Corp đã đưa ra chiến lược thực hiện cụ thể trong giai đoạn 2017 - 2025: (i) Đầu tư cho con người và tập trung phát triển nguồn nhân lực; (ii) Xây dựng và tổ chức bộ máy quản trị và điều hành hiện đại, chuyên nghiệp theo mô hình tiên tiến; (iii) Xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, đề cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, hướng tới phát triển bền vững; (iv) Đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, áp dụng công nghệ tiên tiến, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, gia tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam; (v) Xây dựng phát triển thị trường mới trong

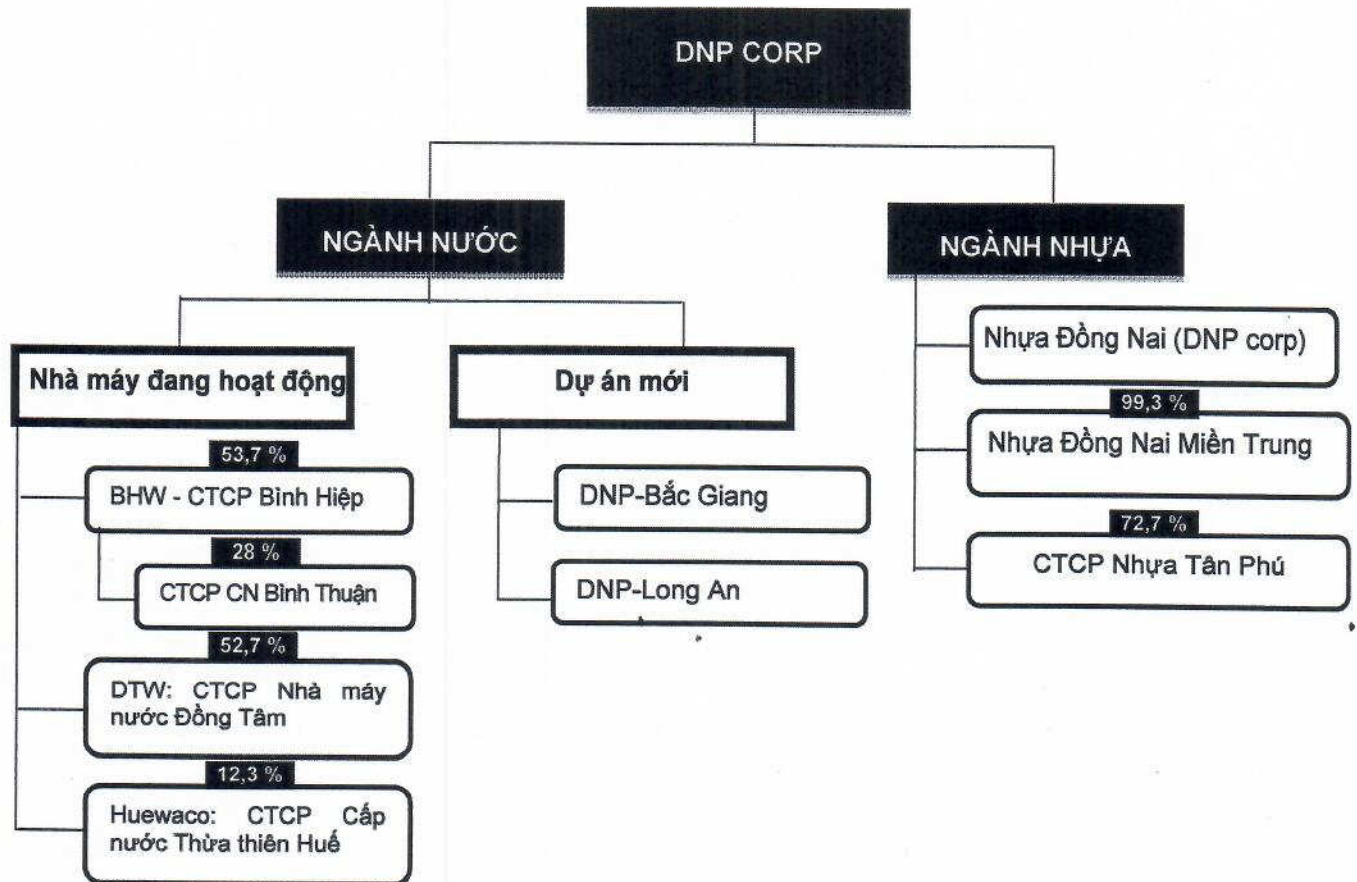
MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2017-2025



2. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA TỔNG CÔNG TY

2.1 Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hình 3: Sơ đồ tổ chức của Công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (Tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/3/2018)

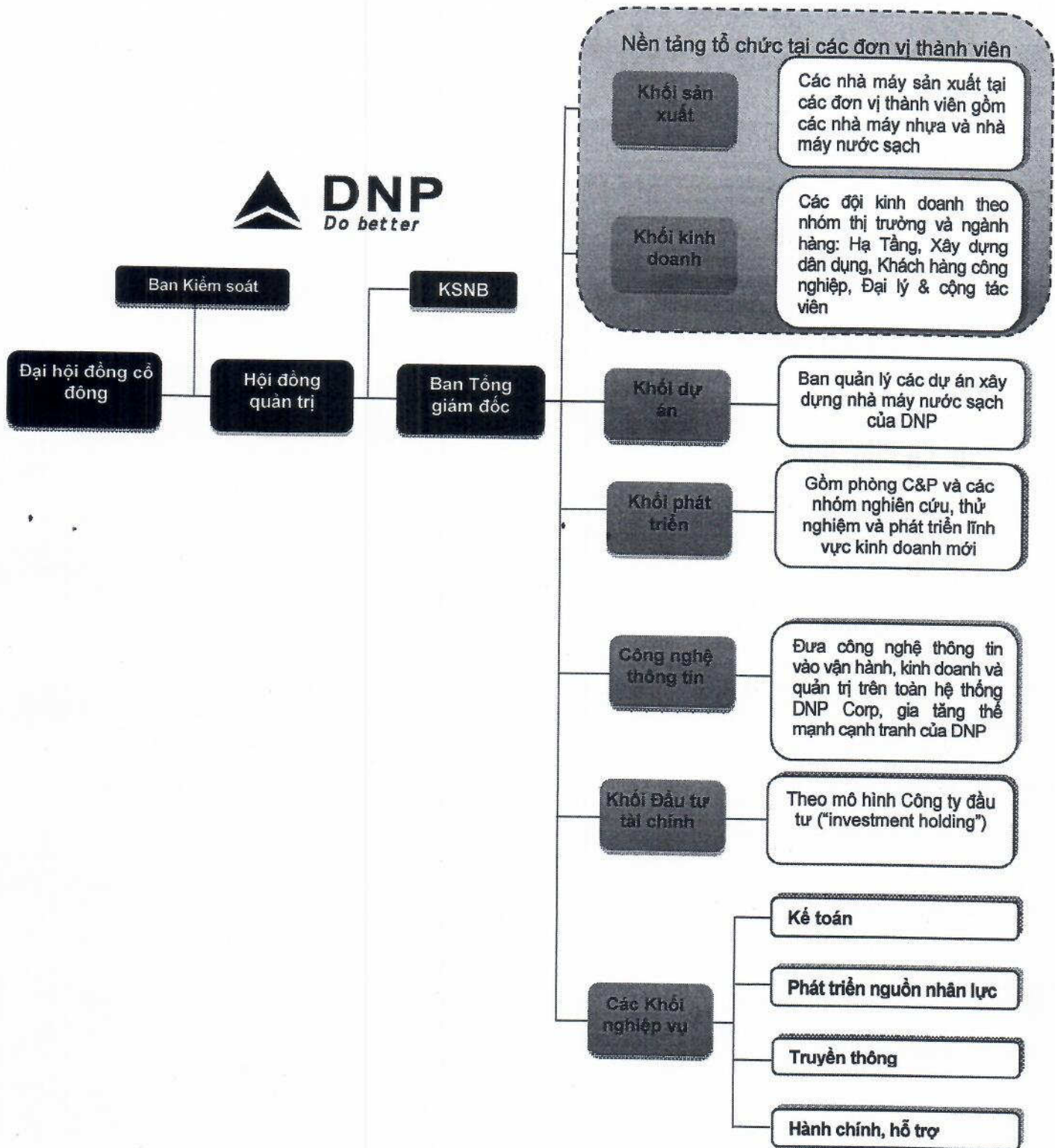
2.2 Bộ máy quản lý của Công ty

DNP Corp hoạt động theo mô hình công ty đầu tư (Investment holding), trong đó DNP Corp thực hiện (i) quản lý vốn, (ii) quản lý chiến lược đầu tư phát triển các công ty thành viên, (iii) nghiên cứu đầu tư xây dựng nhà máy nước mới và hoạt động M&A (mua bán - sáp nhập) và (iv) thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực và các nguồn lực phát triển chung như công nghệ thông tin (IT), khối ngân hàng đầu tư (IB), nghiên cứu & phát triển (C&P).

Các đơn vị thành viên tập trung phát triển sản xuất kinh doanh theo từng lĩnh vực cốt lõi phù hợp với chiến lược phát triển chung của DNP Corp.



Hình 4: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

**❖ Trụ sở chính của Công ty**

Công ty đặt trụ sở chính tại đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, trụ sở chính là nơi làm việc, tổ chức họp của các cơ quan quan trọng của Công ty. Bao gồm:

❖ Chi nhánh:

Tại thời điểm 31/03/2018, Công ty có 01 chi nhánh là đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc. Thông tin về chi nhánh như sau:

- Chi nhánh Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai tại Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Handico, Đường Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

❖ Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS của Công ty.

❖ Hội đồng quản trị

Do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm; chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban khác.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai hiện có 05 thành viên bao gồm: 01 Chủ tịch, và 04 thành viên.

Bảng 2: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị tại ngày 31/03/2018

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|----------------------|-------------------|
| 1. | Ông Vũ Đình Độ | Chủ tịch HĐQT |
| 2. | Ông Ngô Đức Vũ | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3. | Bà Phan Thị Thu Thảo | Thành viên HĐQT |
| 4. | Ông Nguyễn Văn Hiếu | Thành viên HĐQT |
| 5. | Ông Mai Thế Khôi | Thành viên HĐQT |

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

❖ Ban Kiểm soát

Do ĐHCĐ bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, kế toán; hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty; báo cáo cho ĐHCĐ tính chính xác, trung thực, hợp pháp về báo cáo tài chính của Công ty.

Bảng 3: Danh sách Ban Kiểm soát tại ngày 31/03/2018

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|--------------------|------------|
| 1. | Bà Trần Minh Trang | Trưởng ban |
| 2. | Bà Lương Thị Hương | Thành viên |
| 3. | Bà Bùi Thị Tâm | Thành viên |

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Lưu ý:

Bà Trần Minh Trang đang giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm soát DNP, đồng thời là Trưởng ban Kiểm soát của CTCP Nhựa Tân Phú. Với vị trí nắm giữ hiện tại của bà Trần Minh Trang, bà Trang chưa đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 103 Luật Doanh nghiệp là làm việc chuyên trách tại Công ty. Do vậy, Hội đồng quản trị Công ty sẽ thông báo Ban Kiểm soát Công ty, đồng thời gửi văn bản tới CTCP Nhựa Tân Phú về việc bà Trang sẽ không đảm nhận chức vụ Trưởng Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Nhựa Tân Phú để làm việc chuyên trách tại Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai.

❖ **Ban Tổng Giám đốc:**

Chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về hoạt động hàng ngày của Công ty. Hiện nay, Ban Tổng Giám đốc của DNP gồm 03 thành viên: 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

Bảng 4: Thành viên Ban giám đốc

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-------------------|-------------------|
| 1. | Nguyễn Văn Hiếu | Tổng Giám đốc |
| 2. | Phan Thị Thu Thảo | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. | Trần Hữu Chuyền | Phó Tổng Giám đốc |

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

❖ **Phòng kiểm soát nội bộ và pháp chế**

Chức năng, nhiệm vụ của Phòng kiểm soát nội bộ và pháp chế bao gồm nhưng không hạn chế những nhiệm vụ sau:

- Xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ;
- Lập và triển khai kế hoạch kiểm soát nội bộ Công ty;
- Thực hiện chương trình kiểm soát nội bộ nhằm phát hiện và ngăn chặn các sai sót trong các hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty và các công ty thành viên;



- Kiểm tra sự tuân thủ đúng quy chế, chính sách, thủ tục, quy trình, quy định của các hoạt động trong các phòng ban tại Công ty và các công ty thành viên, chi nhánh trực thuộc;
- Tổ chức thực hiện các hoạt động kiểm soát nội bộ mảng tài chính của Công ty theo quy định;
- Kiểm tra việc tuân thủ các chính sách và quy trình kế toán cũng như việc đánh giá tính chính xác của báo cáo tài chính và báo cáo quản trị;
- Soát xét báo cáo tài chính định kỳ của Công ty và các đơn vị thành viên;
- Kiểm soát chi phí và các hoạt động đầu tư tại Công ty mẹ và các công ty thành viên, các chi nhánh trực thuộc;
- Báo cáo (bằng văn bản) cho Chủ tịch HĐQT về các kết quả kiểm toán nội bộ;
- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT về báo cáo, kết luận kiểm soát, tổng hợp phản hồi kiểm soát theo quy định.

❖ **Khối sản xuất**

Chịu trách nhiệm sản xuất ra sản phẩm đáp ứng nhu cầu kế hoạch của Công ty. Công ty hiện có 6 nhà máy sản xuất lĩnh vực nhựa: 2 nhà máy sản xuất ống nhựa, 1 nhà máy sản xuất bao bì, 2 nhà máy sản xuất nhựa công nghiệp (CTCP Nhựa Tân Phú), 1 nhà máy sản xuất hàng gia dụng. Ngoài ra công ty thành viên DNP Water có 04 nhà máy nước của công ty con đang hoạt động hoặc đang xây dựng; có 03 công ty nước là công ty liên kết hoặc nhà đầu tư chiến lược.

❖ **Khối kinh doanh**

- **Chức năng:** Xây dựng, quản lý và phát triển hoạt động bán hàng, marketing của Công ty
- **Nhiệm vụ:**
 - ✓ Tổ chức tiêu thụ các sản phẩm của Công ty, đặc biệt là các loại sản phẩm mới trên phạm vi các tỉnh mà phòng phụ trách; giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ, đạt chỉ tiêu doanh thu định mức đối với các sản phẩm mới.
 - ✓ Phản ánh tình hình thị trường, các mặt hàng và đối thủ cạnh tranh, kiến nghị cải tiến sản xuất-kinh doanh nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty.
 - ✓ Nghiên cứu đề xuất các biện pháp đạt kế hoạch doanh thu của các loại sản phẩm của Công ty trong từng giai đoạn.
 - ✓ Xây dựng và quản lý chính sách bán hàng.
 - ✓ Thiết lập chiến lược bán hàng và chính sách Marketing của Công ty; quản trị hệ thống kênh phân phối sản phẩm; quản lý, giám sát hoạt động Marketing.
 - ✓ Xây dựng các chương trình nghiên cứu - phát triển và chỉ đạo thực hiện các chương trình nghiên cứu và phát triển, huấn luyện, đào tạo, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong hoạt động kinh doanh.

❖ **Khối dự án**



- **Chức năng:** giúp Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Chủ đầu tư trong việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng các dự án do Công ty làm chủ đầu tư hoặc theo sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- **Nhiệm vụ:**
 - ✓ Tuân thủ quy trình tổ chức thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Công ty trong từng giai đoạn: Chuẩn bị đầu tư; (ii) Thực hiện dự án đầu tư; (iii) Kết thúc đầu tư và bàn giao công trình/hạng mục đưa dự án vào khai thác, hoạt động.
 - ✓ Giám sát, quản lý các bước thực hiện và báo cáo thường xuyên tới Ban lãnh đạo Công ty để đảm bảo tháo gỡ vướng mắc kịp thời.
 - ✓ Thực hiện các công tác khác khi có sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo Công ty.
- ❖ **Khởi phát triển**
 - **Chức năng:** Nghiên cứu, phát triển hệ thống sản phẩm đối với cả hai lĩnh vực sản xuất của Công ty và nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm trong lĩnh vực kinh doanh mới.
 - **Nhiệm vụ:**
 - ✓ Thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm hiện có của Công ty
 - ✓ Tổ chức các hoạt động Phát triển sản phẩm (bao gồm xây dựng ý tưởng, lập kế hoạch triển khai, mô hình hóa, thiết kế và thử nghiệm) cho các sản phẩm.
 - ✓ Thực hiện các nhiệm vụ tham mưu kế hoạch nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động sản xuất, công nghệ.
- ❖ **Khởi Công nghệ Thông tin**
 - **Chức năng:** Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về công tác quản lý và phát triển ứng dụng Công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh. Thực hiện công tác quản lý, đảm bảo hoạt động và phát triển ứng dụng CNTT trong quản lý, sản xuất và nghiên cứu phát triển của Công ty theo sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo Công ty.
 - **Nhiệm vụ:**
 - ✓ Lập kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động CNTT, ứng dụng CNTT theo phê duyệt của Ban điều hành Công ty
 - ✓ Tư vấn xây dựng các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật khi đầu tư thiết bị liên quan đến công nghệ thông tin.
 - ✓ Thực hiện việc thu thập, lưu trữ, xử lý và đảm bảo an toàn thông tin của toàn Công ty
 - ✓ Quản lý, đảm bảo cơ sở hạ tầng về kỹ thuật công nghệ thông tin cho các hoạt động quản lý, sản xuất, điều hành Công ty
 - ✓ Tham gia các hoạt động, nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty.
- ❖ **Khởi đầu tư tài chính**
 - **Chức năng:** Tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực: nghiên cứu và đề xuất các dự án đầu tư đúng theo ngành mục tiêu của Công ty tuân thủ quy định pháp luật, đáp ứng yêu cầu của thị trường để thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Nhiệm vụ:

- ✓ Nghiên cứu ngành nghề, lĩnh vực Công ty dự kiến đầu tư
- ✓ Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tìm kiếm, khai thác các cơ hội đầu tư theo định hướng của Ban lãnh đạo trong từng giai đoạn cụ thể và trình Ban lãnh đạo phê duyệt.
- ✓ Nghiên cứu, đề xuất, lựa chọn đối tác đầu tư liên doanh, liên kết
- ✓ Theo dõi, quản lý các hạng mục Công ty đã tiến hành đầu tư
- ✓ Quản lý, kiểm soát tài chính của Công ty
- ✓ Báo cáo Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên để kịp thời đưa ra phương án xử lý khi cần thiết.

❖ Khối nghiệp vụ

Khối nghiệp vụ của Công ty bao gồm các phòng nghiệp vụ: (i) Kế toán; (ii) Phát triển nguồn nhân lực; (iii) Truyền thông; (iv) Hành chính, hỗ trợ. Khối nghiệp vụ thực hiện các hoạt động theo nghiệp vụ của các phòng ban đảm bảo hoạt động của Công ty được thông suốt.

3. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, CỔ ĐÔNG LỚN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**3.1 Cổ đông lớn của Công ty****Bảng 5: Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty**

| STT | Tên cổ đông | CMND/Hộ chiếu/ĐKKD | Địa chỉ | Số cổ phần sở hữu (CP) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|-----------------------|--------------------|--|------------------------|------------------|
| 1 | Lê Tuấn Điệp | 034085001313 | Số 2 Trần Thánh Tông, Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội | 9.386.850 | 18,77% |
| 2 | Vũ Đình Độ | 024082000332 | P405 nhà 77 tập thể Hóa Chất, ngõ Thịnh Hào 1, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội | 4.848.176 | 9,69% |
| 3 | Phạm Quốc Khánh | 001091000555 | Xóm 1, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội | 3.677.237 | 7,35% |
| 4 | Hoàng Anh Tuấn | 013373377 | P106BA15 Tập thể ĐH KTQD, P Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội | 3.320.117 | 6,64% |
| 5 | Công ty CP Đầu tư VSD | 2300940336 | Thửa đất số 52, khu Thượng (thuê công ty Ngôi sao Xanh), phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh | 2.804.328 | 5,61% |
| 6 | Vũ Ngọc Tú | 012681510 | P107/68A Văn Hương, Hàng Bột, Hà Nội | 2.762.856 | 5,52% |
| | Tổng cộng | | | 26.799.564 | 53,59% |

Nguồn: Danh sách cổ đông của Nhựa Đồng Nai chốt ngày 19/03/2018⁽¹⁾

⁽¹⁾: Danh sách cổ đông chốt ngày 19/03/2018 do Nhựa Đồng Nai chốt để thực hiện quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức ngày 07/04/2018.



3.2 Cổ đông sáng lập của Công ty

Căn cứ quy định tại Khoản 3, Điều 119, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 quy định: Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông. Đến thời điểm hiện nay, các quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực. Do đó, danh sách cổ đông sáng lập sẽ không được liệt kê dưới đây.

3.3 Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày chốt gần nhất

Bảng 6: Cơ cấu cổ đông của Công ty

| Stt | Đối tượng | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ sở hữu |
|------------------|---------------------------|-------------------|---------------|
| I | Cổ đông trong nước | 48.139.316 | 96,26% |
| 1 | Cổ đông tổ chức | 6.018.596 | 12,03% |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 42.120.720 | 84,23% |
| II | Cổ đông nước ngoài | 1.869.956 | 3,74% |
| 1 | Cổ đông tổ chức | 780.287 | 1,56% |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 1.089.669 | 2,18% |
| Tổng cộng | | 50.009.272 | 100% |

Nguồn: Tổng hợp từ danh sách cổ đông DNP Corp do VSD chốt tại ngày 19/03/2018

4. CÔNG TY MẸ, CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY, NHỮNG CÔNG TY MÀ CÔNG TY ĐANG NẤM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẤM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

4.1 Những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối cổ phần đối với DNP:

Không có

4.2 Danh sách công ty do DNP nắm giữ cổ phần chi phối:

Bảng 7: Danh sách công ty con của Nhựa Đồng Nai tại thời điểm 31/03/2018

| Tên Công ty | Địa chỉ | Ngành nghề chủ yếu | Vốn điều lệ (VNĐ) | Tỷ lệ lợi ích |
|---|---|---|-------------------|---------------|
| Các Công ty con sở hữu trực tiếp | | | | |
| CTCP Nhựa Đồng Nai Miền Trung | Lô 06 – KCN Điện Nam, Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam | Sản xuất và kinh doanh ống nhựa cấp thoát nước | 44.697.500.000 | 99,33% |
| CTCP Nhựa Tân Phú | 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.HCM | Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa ép phun và bao bì rỗng | 72.631.650.000 | 72,65% |



| Tên Công ty | Địa chỉ | Ngành nghề chủ yếu | Vốn điều lệ (VNĐ) | Tỷ lệ lợi ích |
|---|--|----------------------------------|-------------------|---------------|
| CTCP Đầu tư ngành nước DNP | Tầng 4, Tòa nhà Vietel, Lô 4A Hoàng Văn Thụ, Phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang | Đầu tư vào các công ty nước sạch | 749.500.000.000 | 78,93% |
| CTCP Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Tiền Giang | Số 1, Đường Ngô Quyền, Tp.Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | 30.000.000.000 | 70% |
| CTCP Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Bắc Giang | Tầng 4, Tòa nhà Vietel, Lô 4A Hoàng Văn Thụ, Phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang | Sản xuất và kinh doanh nước sạch | 25.408.000.000 | 84,65% |

5. QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY

Bảng 8: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Đvt: đồng

| Thời điểm | Số lượng cổ phần phát hành (CP) | Vốn điều lệ | Phương thức | Cơ quan chấp thuận |
|-------------------------|---------------------------------|-----------------|--|-------------------------------------|
| Thành lập 02/01/2004 | 300.000 | 3.000.000.000 | Vốn điều lệ ban đầu là 3 tỷ đồng theo Giấy CNĐKKD số 4703000083 ngày 02/01/2004. | Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai |
| Lần 1 Năm 2005 | 300.000 | 6.000.000.000 | Phát hành cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 1:1 | UBCK ĐHĐCĐ NN, |
| Lần 2 6/2006 | 700.000 | 13.000.000.000 | Phát hành cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 6:7 | UBCK ĐHĐCĐ NN, |
| Lần 3 10/2006 | 13.000.000 | 20.000.000.000 | Phát hành cổ phiếu cho CBCNV và phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư bên ngoài | UBCK ĐHĐCĐ NN, |
| Lần 4 năm 2008 | 20.000.000 | 34.427.370.000 | Chào bán cổ phiếu ra công chúng | UBCK ĐHĐCĐ NN, |
| Lần 5 10/2014 | 34.427.370 | 67.865.830.000 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%, phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 98% | UBCK ĐHĐCĐ NN, |
| Lần 6 11/2015 | 67.865.830 | 135.071.410.000 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 16%, chào bán riêng lẻ 5.635.000 cổ phiếu | UBCK ĐHĐCĐ NN, |
| Lần 7 8/2016 | 13.506.583 | 270.137.240.000 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 22%, thưởng cổ phiếu với tỷ lệ 18%, chào bán ra công chúng 8.104.278 cổ phiếu | UBCK NN, ĐHĐCĐ |
| Lần 8 | 2.991.900 | 300.056.240.00 | Chào bán riêng lẻ cho cán bộ công nhân viên và cho đối | UBCK NN, |

| Thời điểm | Số lượng cổ phần phát hành (CP) | Vốn điều lệ | Phương thức | Cơ quan chấp thuận |
|----------------|---------------------------------|-----------------|---|--------------------|
| | | 0 | tác, nhà đầu tư tài chính của Công ty | ĐHĐCĐ |
| Lần 9 Năm 2017 | 20.003.648 | 500.092.720.000 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25%, phát hành 400.000 cổ phiếu cho CBCNV theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty, chào bán cho người lao động trong công ty 100.000 cổ phần, chào bán ra công chúng 12.002.245 cổ phiếu | UBCK NN, ĐHĐCĐ |

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Các mảng hoạt động kinh doanh chính của Công ty

Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai hoạt động với ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: (i) Ngành nước sạch và (ii) Ngành nhựa.

6.1.1 Ngành nước

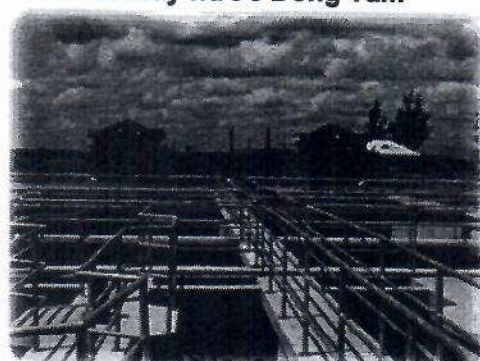
Hiện nay, DNP Corp và đơn vị thành viên đang sở hữu trực tiếp, gián tiếp cổ phần tại công ty con, công ty liên kết, đối tác chiến lược vận hành các nhà máy sản xuất nước sạch với tổng công suất 580.000m³/ngđ, cung cấp nước sạch cho người sử dụng tại 8 tỉnh thành trên cả nước, số lượng khách hàng lên đến 500.000 tổ chức/hộ gia đình. Các nhà máy nước của DNP Corp áp dụng các công nghệ xử lý nước tiên tiến trên thế giới và hệ thống quản lý, giám sát và thu thập dữ liệu tự động.

Hình 5: Hình ảnh các nhà máy nước

Nhà máy nước Cà Giang



Nhà máy nước Đồng Tâm



Nguồn: Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai

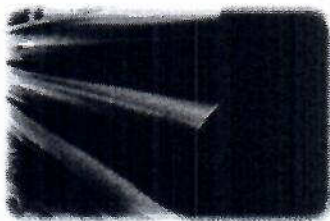
DNP Corp hiện đang triển khai xây dựng 2 nhà máy sản xuất nước mới với tổng công suất thiết kế 120.000m³/ngđ tại Long An và Bắc Giang, dự kiến trong năm 2018 sẽ đi vào hoạt động,

6.1.2 Ngành nhựa

Hai đơn vị nhựa của DNP Corp là Nhựa Đồng Nai và Nhựa Tân Phú đã khẳng định vị thế nhờ sở hữu và làm chủ toàn bộ chuỗi công nghệ nhựa từ thối, đùn đến ép phun. Cùng với thương hiệu lâu năm và kinh nghiệm phát triển thị trường, Nhựa Đồng Nai và Nhựa Tân Phú với 5 nhà máy sản xuất các sản phẩm: ống nhựa hạ tầng, ống nhựa dân dụng, bao bì, nhựa công nghiệp và nhựa gia dụng. DNP đang là công ty nắm thị phần số một trong lĩnh vực ống nhựa hạ tầng với khoảng 40% thị phần, hiện diện tại 43/63 tỉnh thành, đối với sản phẩm nhựa công nghiệp thương hiệu nhựa Tân Phú đang nằm trong top 5, khách hàng là những Tập đoàn, Tổng công ty hàng đầu trên thế giới và trong nước như CocaCola, Vedan, Sabeco, Pinaco, Lavie, Nutifood.... Năm 2017, DNP tích cực thực hiện đầu tư phát triển quy mô và năng lực cốt lõi trong các lĩnh vực chiến lược, tăng công suất, phát triển sản phẩm và thị trường mới. Trong ngành nhựa, Công ty hoàn thành dự án đầu tư sản xuất đầy đủ dây sản phẩm và phụ kiện cho thị trường ống nhựa dân dụng, tăng công suất sản xuất bao bì, nhựa công nghiệp và sẵn sàng phát triển các sản phẩm nhựa gia dụng.

Ống nhựa hạ tầng

Hình 6: Các sản phẩm trong sản xuất ống HDPE và phụ kiện ống HDPE



Ống HDPE cấp nước

được sử dụng trong các công trình xây dựng dân dụng, nhà máy cấp nước cung cấp nước sạch đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn về sức khỏe của Bộ Y tế khi sử dụng Ống dẫn nước.



Ống HDPE thoát nước

được sử dụng trong các công trình xây dựng dân dụng, nhà máy xử lý nước thải, tưới tiêu đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn về chất lượng Việt Nam, Quốc tế khi sử dụng Ống dẫn nước.

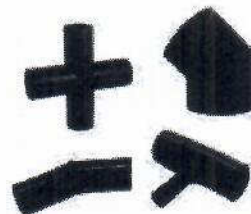


Ống HDPE điện

được sử dụng trong các công trình xây dựng dân dụng, nhà máy điện, viễn thông tuân thủ tiêu chuẩn về chất lượng Việt Nam, Quốc tế khi sử dụng Ống HDPE bảo vệ cáp điện



Phụ kiện HDPE loại đúc

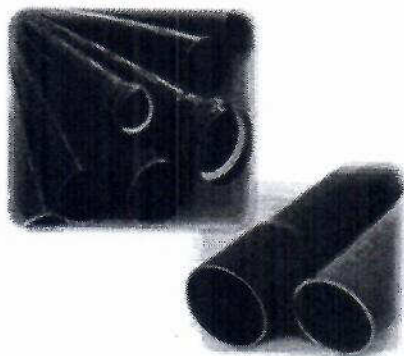


Phụ kiện HDPE loại hàn



Phụ kiện HDPE loại vện ren

Hình 7: Các sản phẩm trong sản xuất ống nhựa uPVC (21-400mm) và phụ kiện uPVC của DNP



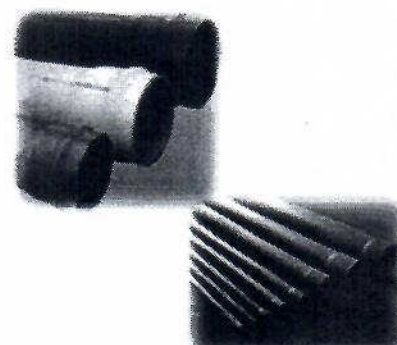
Ống uPVC cấp nước (nong gioăng và trơn)

được sử dụng trong các công trình xây dựng dân dụng, nhà máy cấp nước cung cấp nước sạch đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn về sức khỏe của Bộ Y tế khi sử dụng Ống uPVC dẫn nước



Ống uPVC thoát nước (nong gioăng và trơn)

được sử dụng trong các công trình xây dựng dân dụng, nhà máy xử lý nước thải, tưới tiêu đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn về chất lượng Việt Nam, Quốc tế khi sử dụng Ống uPVC dẫn nước



Ống uPVC điện (nong gioăng và trơn)

được sử dụng trong các công trình xây dựng dân dụng, nhà máy điện, viễn thông tuân thủ tiêu chuẩn về chất lượng Việt Nam, Quốc tế khi sử dụng Ống uPVC bảo vệ cáp điện



Phụ kiện T



Phụ kiện Tê và Y



Phụ kiện nối

Hiện nay, Công ty là một trong 5 doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và cung ứng các sản phẩm ống nhựa uPVC(21mm-400mm) và HDPE (25mm-1.000mm) với 2 nhà máy đặt tại Đồng Nai và Quảng Nam có khả năng sản xuất 3.000 tấn/tháng.

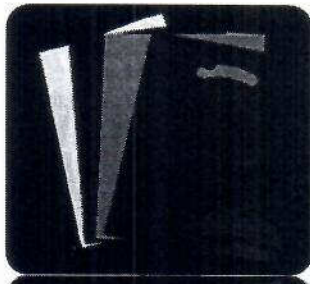
Các sản phẩm ống nhựa uPVC và HDPE của Công ty chủ yếu phục vụ trong lĩnh vực cấp thoát nước, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường. Với bề dày kinh nghiệm 15 năm, Công ty đã cung cấp ống nhựa cho các dự án trọng điểm quốc gia như: Công trình cấp và thoát nước Lăng Cô TP Huế, Cấp nước bán đảo Sơn Trà - Đà Nẵng, Cấp nước và xử lý vệ sinh môi trường TP Quy Nhơn, Cấp nước và xử lý vệ sinh môi trường TP Nha Trang Khánh Hoà, Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường 9 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long ... và nhận được sự tin nhiệm từ các khách hàng lớn.

Túi nhựa bao bì

Thị trường chủ yếu là xuất khẩu sang Châu Âu. Công ty chủ trương duy trì ổn định cho ngành sản xuất này để tạo được dòng tiền và nguồn thu ngoại tệ tốt cho hoạt động nhập khẩu của Công ty.

DNP chuyên sản xuất và cung ứng bao bì mềm xuất khẩu: Starseal, Sandwich, T-shirt. Nhà máy của Công ty có công suất 1.300 tấn/ tháng. Sản phẩm của Công ty đạt tiêu chuẩn xuất khẩu Châu Âu và hiện đang có mặt trên 10 quốc gia Châu Âu như: Đức, Anh, Pháp, Hà Lan, Bỉ, ...

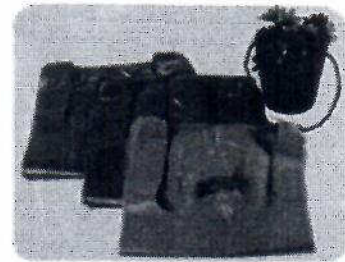
Hình 8: Một số sản phẩm túi nhựa bao bì



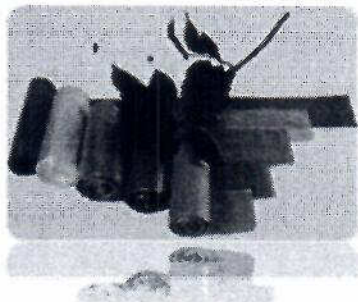
Túi Die Cut



Túi T- shirt loose



Túi T-shirt block



Túi rút dây cuộn liên tục



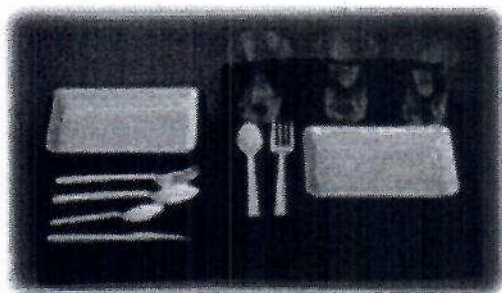
Túi miệng bằng



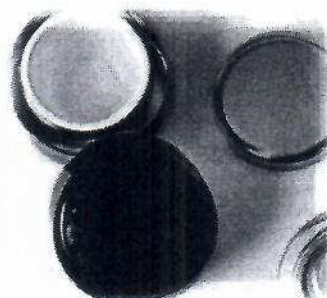
Túi có quai

Sau khi chi phối Nhựa Tân Phú, DNP Corp gia tăng các sản phẩm Nhựa công nghiệp với 5 dòng sản phẩm với chất lượng cao, với nguồn nguyên liệu nhựa đạt tiêu chuẩn (FDA, BPA free): (i) Bao bì thực phẩm giải khát, (ii) Bao bì hóa mỹ phẩm, (iii) Bao bì bảo vệ thực vật hóa chất; (iv) Bao bì dược phẩm, (v) sản phẩm nhựa công nghiệp và gia dụng.

Hình 9: Một số sản phẩm nhựa công nghiệp từ TPP



Bao bì thực phẩm giải khát



Bao bì hóa mỹ phẩm



Bao bì dược phẩm



Bao bì bảo vệ thực vật hóa chất



Nhựa công nghiệp & gia dụng

6.2 Sản lượng sản phẩm, dịch vụ qua các năm

6.2.1 Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai chuyên sản xuất ống nhựa, bao bì nhựa và sản xuất kinh doanh nước sạch. Trong đó, sản xuất ống nhựa và bao bì nhựa là hai lĩnh vực sản xuất truyền thống của DNP.

Bảng 9: Cơ cấu doanh thu hợp nhất qua các năm.

Đvt: tỷ đồng

| Lĩnh vực | Năm 2016 | | Năm 2017 | | Quý I/2018 | |
|---------------------|--------------|----------------|--------------|-------------|------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ lệ %/DTT | Giá trị | Tỷ lệ %/DTT | Giá trị | Tỷ lệ %/DTT |
| Bao Bì | 308 | 21,17% | 331 | 22,00% | 87 | 19,95% |
| Ống Nhựa & phụ kiện | 574 | 39,48% | 595 | 39,53% | 236 | 54,13% |
| Nước Sạch | 68 | 4,68% | 115 | 7,64% | 40 | 9,17% |
| Nhựa công nghiệp | 500 | 34,35% | 464 | 30,83% | 73 | 16,74% |
| Khác | 5 | 0,32% | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 1.455 | 100,00% | 1.505 | 100% | 436 | 100% |

Nguồn: CTCP Nhựa Đồng Nai

Năm 2017, DNP Corp đã đạt doanh thu toàn Công ty lên 1.505 tỷ đồng, tăng 3,4% so với năm 2016.

Ống nhựa xây dựng và phụ kiện: Trên thị trường ống nhựa hạ tầng cho cấp nước và thoát nước, xử lý nước thải, Nhựa Đồng Nai tiếp tục khẳng định thị phần số 1. Trên thị trường dân dụng, từ tháng 6/2017, DNP Corp triển khai bán ống nhựa dân dụng và phụ kiện uPVC, PPR ... cho các công trình xây dựng dân dụng và M&E (nhà cao tầng, khu đô thị, dân cư, khu du lịch, dịch vụ) qua mô hình nhà phân phối cấp tỉnh. Đến tháng 12, DNP Corp đã bổ nhiệm thành công 10 nhà phân phối, chính thức thiết lập kênh phân phối để thúc đẩy sản lượng tiêu thụ trên thị trường dân dụng.

Doanh thu mảng ống nhựa tăng nhẹ 3,6% so với năm 2016, đạt 74% kế hoạch năm do một số dự án hạ tầng chuyển sang năm 2018 và kênh phân phối dân dụng mới được xây dựng.

Đối với mảng túi nhựa bao bì, doanh thu năm 2017 tăng 6,9% so với doanh thu năm 2016, với giá trị tăng là 23 tỷ đồng. Đồng thời tỷ lệ trong cơ cấu doanh thu thuần nhích nhẹ từ 21,17% lên 22,0%. Trong năm 2017, DNP Corp hoàn thiện mô hình quản trị sản xuất kiểu Nhật và đạt tiêu chuẩn ISO15378 cho cung ứng bao bì nhựa thực phẩm, dược phẩm.

Lĩnh vực sản xuất nước sạch năm 2017 đã mang lại doanh thu 115 tỷ đồng, tăng 69,11% so với năm 2016. Tuy ghi nhận mức tăng trưởng mạnh nhưng tỷ lệ doanh thu ngành nước sạch mới chỉ chiếm 7,64% tổng doanh thu của năm 2016, cao hơn với tỷ lệ 4,68% của năm 2016. Điểm nổi bật trong ngành nước của DNP Corp là việc thông qua Công ty Đầu tư ngành nước DNP, đã thực hiện đầu tư thêm vào 08 công ty cấp nước, 02 dự án xây dựng nhà máy nước, nâng tổng công suất thiết kế của các nhà máy nước sở hữu/vận hành lên đến 580.000 m³/ngđ. Dự kiến trong các năm tới khoản đầu tư này sẽ đem lại tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận đáng kể cho DNP Corp.

Ngành nhựa công nghiệp: Doanh thu ngành nhựa công nghiệp năm 2017 đạt 464 tỷ đồng, giảm 36 tỷ đồng, tương ứng mức giảm 7,2% so với năm 2016. Nguyên nhân sụt giảm là do độ trễ trong triển khai của một số dự án ống nhựa hạ tầng và hợp đồng cung ứng nhựa công nghiệp.

6.2.2 Cơ cấu lợi nhuận của Công ty:

Bảng 10: Cơ cấu lợi nhuận sau thuế hợp nhất qua các năm

Đvt: 1.000 đồng

| Lĩnh vực | Năm 2016 | | Năm 2017 | | Quý I/2018 | |
|------------------|-----------|----------------|-----------|-------------|-------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ lệ %/DTT | Giá trị | Tỷ lệ %/DTT | Giá trị | Tỷ lệ %/DTT |
| Bao Bì | 7 | 7,22% | 6 | 8% | 1,52 | 16% |
| Ống Nhựa | 67 | 69,25% | 89 | 123% | 9,19 | 95% |
| Nước Sạch | 6 | 6,59% | (17) | -23% | (1,38) | -14% |
| Nhựa công nghiệp | 16 | 16,94% | (6) | -8% | 0,39 | 4% |
| Tổng cộng | 96 | 100,00% | 73 | 100% | 9,72 | 100% |

Nguồn : CTCP Nhựa Đồng Nai

Sau giai đoạn tăng trưởng vượt bậc về doanh thu và lợi nhuận từ năm 2013 – 2016, đến năm 2017, tăng trưởng về doanh thu của DNP có dấu hiệu chững lại do (i) bão hòa và cạnh tranh ở các mảng ống nhựa hạ tầng, bao bì, (ii) độ trễ đầu tư và ghi nhận doanh thu tại các mảng nhựa công nghiệp, ống nhựa dân dụng và nước sạch.

Các chỉ số sinh lời cũng giảm trong năm do ảnh hưởng của (i) giá đầu vào, đặc biệt là nguyên vật liệu nhựa tăng mạnh, (ii) tăng đầu tư, tăng công suất nhựa công nghiệp, đẩy mạnh phát triển thị trường ống nhựa dân dụng và gia dụng nhưng cần thời gian tích lũy để đạt quy mô, hiệu quả; (iii) quá trình đầu tư cho ngành nước mới ở giai đoạn đầu, (iv) việc hợp nhất doanh thu kế toán chưa phản ánh đúng quy mô hiện hữu, khoản phân bổ lợi thế thương mại phát sinh từ mua bán, sáp nhập tăng lên.



Hiện tại, doanh thu chính của DNP Corp vẫn đến từ mảng nhựa, bao gồm ống nhựa hạ tầng, nhựa công nghiệp và bao bì. Dự kiến từ năm 2018, khi các dự án nhà máy nước hoàn thành và hoạt động, cơ cấu doanh thu đóng góp từ mảng nước sạch sẽ tăng lên đáng kể, phù hợp với mục tiêu đầu tư lâu dài trong ngành nước sạch của DNP Corp, đồng thời sau giai đoạn đầu tư phát triển, khi thâm nhập thành công các thị trường mới, quy mô doanh thu, lợi nhuận của DNP Corp sẽ tăng lên đáng kể.

Nếu xét riêng trên mảng hoạt động truyền thống của DNP thì LNST 2017 đạt 95 tỷ đồng, vẫn tăng 28% so với cùng kỳ 2016 do tăng thị phần ở phân khúc khách hàng mục tiêu, danh mục khách hàng tốt, không phát sinh khách hàng mới có nợ xấu. Ngành nước dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ và đem lại lợi nhuận cao trong tương lai gần.

6.3 Nguyên vật liệu

6.3.1 Nguồn cung cấp sản phẩm dịch vụ

– Màng kinh doanh ống nước hạ tầng và túi nhựa bao bì:

Nguồn nguyên liệu để sản xuất ống nhựa và bao bì nhựa của Công ty bao gồm:

- ✓ Hạt nhựa PVC phục vụ sản xuất ống nhựa uPVC;
- ✓ Hạt nhựa PE phục vụ sản xuất ống nhựa HDPE;
- ✓ Hạt nhựa LLE phục vụ sản xuất bao bì nhựa;

Do hạn chế về nguồn cung cũng như chất lượng của các nhà cung cấp trong nước, nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu được nhập khẩu từ các công ty/tập đoàn uy tín trên thế giới.

Bảng 11: Danh sách các đối tác cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho Công ty

| STT | Nhà cung cấp | Quốc Gia | Năm bắt đầu giao dịch | Phương thức thanh toán |
|-----|---------------------------------------|-----------|-----------------------|--|
| 1 | SABIC ASIA PACIFIC PTE LTD | SINGAPORE | 2000 | D/P or L/C 30 - 60 days after B/L date |
| 2 | BASELL ASIA PACIFIC LTD. | HONG KONG | 2006 | 15% cash advance/85% DP at sight |
| 3 | BORROUGE PTE LTD | SINGAPORE | 2012 | D/P at sight |
| 4 | PTT POLYMER MARKETING COMPANY LIMITED | THAILAND | 2010 | L/C at sight |
| 5 | SCG PLASTICS CO., LTD | THAILAND | 2004 | L/C 30 days after B/L date |
| 6 | NEW QUANTUM HOLDINGS PTE LTD | HONG KONG | 2013 | D/P at sight |
| 7 | CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT AGC VIỆT NAM | VIETNAM | 2000 | Open account |

Nguồn: CTCP Nhựa Đồng Nai

– Màng kinh doanh nước sạch:



- ✓ Đối với nhà máy nước Cà Giang: Nhà máy lấy nước thô từ hồ Cà Giang để xử lý và cung cấp nước sạch cho địa bàn thành phố Phan Thiết thông qua việc cung cấp nước cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận. Công ty ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Bình Thuận, là đơn vị cung cấp nước trực tiếp đến người sử dụng.
- ✓ Đối với nhà máy nước Tân Thành: Nhà máy nước Tân Thành bơm nước từ các giếng trong khu vực để xử lý, cung cấp nước sạch trực tiếp cho người sử dụng trên địa bàn huyện Hàm Thuận Nam.
- ✓ Đối với nhà máy nước Đồng Tâm: nước được bơm từ sông Tiên và cung cấp nước sạch cho địa bàn thông qua cung cấp nước cho Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiên Giang – đơn vị này sẽ cung cấp nước trực tiếp đến người sử dụng.
- ✓ Đối với dự án mới xây dựng thì nguồn nước theo phê duyệt của Giấy phép khai thác mặt nước của Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương nơi thực hiện dự án

Đối với các nhà máy nước thì bên cạnh nguồn nguyên liệu chủ đạo là nước ngầm/nước mặt, các nhà máy phải thường xuyên sử dụng điện/dầu và các hóa chất khác để làm sạch nước như Chlorine (Clo), Pac (Phèn), các chất thử khác.

6.3.2 Sự ổn định của nguồn cung cấp

– Mảng kinh doanh ống nước hạ tầng và túi nhựa bao bì:

- ✓ Nguồn nguyên liệu, vật liệu chính của Công ty chủ yếu được cung cấp từ các nhà sản xuất nước ngoài. Đây là các đối tác lớn hàng đầu trong ngành đã hợp tác với Công ty trong thời gian dài nên luôn có sự đảm bảo về nguồn cung ứng nguyên vật liệu và giá cả cạnh tranh. Công ty có bộ phận nghiên cứu biến động giá nguyên vật liệu nhằm dự báo tình hình giá nguyên vật liệu các nước trên thế giới, tình hình trong nước và các biến động khác có thể tác động trực tiếp đến giá nguyên liệu như biến động giá dầu, tình hình an ninh chính trị xã hội. Từ đó đưa ra kế hoạch dự trữ và sản xuất một cách hợp lý nhất nhằm ổn định sản xuất, giảm thiểu tối đa chi phí, tăng lợi nhuận, giảm áp lực trước nguy cơ tăng giá chung trên thị trường.
- ✓ Hiện nay, DNP đang hướng đến các nhà sản xuất nguyên liệu nhựa trong nước để tăng cường sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên liệu, hạn chế tình trạng bị ảnh hưởng bởi giá thế giới đến mức tối thiểu và giảm thiểu thời gian mua nguyên liệu. Đồng thời, việc hướng đến các nhà sản xuất nguyên liệu nhựa trong nước cũng giúp Công ty tiết kiệm được khoản ngoại tệ cần thiết trong quá trình nhập khẩu nguyên liệu. Từ đó, giảm thiểu tác động của thay đổi tỷ giá VND so với USD lên kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty - hiện nay, đây chính là một rủi ro trong quá trình hoạt động của DNP.

– Đối với mảng kinh doanh nước sạch

- ✓ Yếu tố ảnh hưởng quan trọng nhất đến đầu vào sản xuất kinh doanh là nguồn nước. Nguồn nước để phục vụ các dự án, nhà máy nước sạch luôn được ưu tiên nên nguồn nước thô cung cấp cho các dự án, nhà máy của công ty tương đối ổn định.
- ✓ Ngoài nguồn nước thô, quá trình sản xuất nước sạch còn sử dụng các nguyên liệu khác như phèn, vôi, NaOH, clo ... được cung cấp từ các nhà cung cấp hóa chất địa phương. Giá mua các nguyên liệu này có xu hướng tăng nhẹ trong những năm vừa qua, phù hợp xu thế tăng của giá cả hàng hóa nói chung.



Chất lượng nước đầu vào và nguyên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất là hai yếu tố có mối quan hệ chặt chẽ. Chất lượng nước đầu vào tốt sẽ giúp giảm bớt lượng nguyên liệu cần sử dụng, trong khi nước đầu vào có chất lượng kém sẽ yêu cầu nhiều nguyên vật liệu hơn trong quá trình lọc và xử lý nước để sản xuất nước sạch tiêu dùng.

6.3.3 Ảnh hưởng giá cả của nguồn cung đến doanh thu/lợi nhuận

- ✓ Chi phí nguyên vật liệu mà phần lớn là hạt nhựa chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm (khoảng 78,74% - số liệu năm 2015), do đó việc tăng hoặc giảm giá nguyên vật liệu sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong những năm gần đây, đặc biệt là trong năm 2016, giá dầu thô trên thế giới giảm mạnh, kéo theo giá nguyên liệu nhựa (các sản phẩm làm từ dầu thô) giảm theo. Xu hướng này tác động hết sức tích cực đến doanh thu/ lợi nhuận của Công ty trong các năm trước, nhờ đó doanh thu/ lợi nhuận của DNP liên tục tăng trưởng trong 3 năm 2013-2016. Tuy nhiên, năm 2017, giá nguyên vật liệu tăng nhanh, do đó ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của năm 2017, doanh thu bị chững lại và lợi nhuận bị sụt giảm.
- ✓ Ngoài ra, để đề phòng trường hợp diễn biến thị trường nguyên liệu đi theo chiều hướng tiêu cực, DNP đã xây dựng chính sách dự trữ nguyên liệu hợp lý nhằm đảm bảo đạt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.

6.4 Chi phí sản xuất

Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty trong các năm gần nhất được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 12: Cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty qua các năm (Hợp nhất)

Đvt: 1.000 đồng

| TT | Các khoản mục chi phí | Năm 2016 | | Năm 2017 | | Quý I/2018 | |
|----|------------------------------|----------------------|---------------|----------------------|----------------|--------------------|---------------|
| | | Giá trị | % DTT | Giá trị | % DTT | Giá trị | % DTT |
| 1 | Giá vốn hàng bán | 1.121.391.704 | 77,09% | 1.215.175.888 | 80,76% | 344.316,651 | 78.97% |
| 2 | Chi phí tài chính | 70.320.557 | 4,83% | 123.407.482 | 8,20% | 34.104,835 | 7.82% |
| 3 | Chi phí bán hàng | 47.063.462 | 3,24% | 67.769.858 | 4,50% | 17,971,108 | 4.12% |
| 4 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 114.109.354 | 7,84% | 132.200.222 | 8,79% | 35,509,659 | 8.14% |
| 5 | Chi phí khác | 2.501.684 | 0,17% | 9.430.106 | 0,63% | 3,150,700 | 0.72% |
| 6 | Tổng chi phí | 1.355.386.761 | 93,17% | 1.547.983.556 | 102,87% | 435,052,953 | 99.78% |
| 7 | Doanh thu thuần (DTT) | 1.454.703.068 | 100,00% | 1.504.760.361 | 100,00% | 436,000,659 | 100.00% |

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất cho năm 2016, 2017 và BCTC Hợp nhất Quý I/2018 – DNP



Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm các khoản Giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và các chi phí khác. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty chiếm tỷ trọng trên 102% Doanh thu thuần của Công ty. Trong đó, Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu Doanh thu thuần. Tỷ trọng này giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần năm 2016 là 77,09%, tỷ trọng này năm 2017 tăng lên 80,76% Doanh thu thuần.

Doanh thu thuần năm 2017 tăng nhẹ so với năm 2016 nên kéo theo chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty tăng tương ứng lên 102,87% năm 2017 (chi phí tăng từ 1.355 tỷ đồng năm 2016 lên 1.547,4 tỷ đồng năm 2017). Các yếu tố cấu thành chi phí đều tăng, cụ thể là Chi phí tài chính, Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác tăng lần lượt là 8,2%, 4,5%, 8,79% và 0,63%.

6.5 Trình độ công nghệ

DNP sử dụng công nghệ đùn kéo trong sản xuất ống nhựa uPVC và HDPE với máy móc hiện đại, được nhập từ các nước Ý, Đức, Nhật Bản,...

Toàn bộ quá trình sản xuất sản phẩm của Công ty đều được tiến hành kiểm tra một cách cẩn trọng, từ khâu kiểm tra nguyên vật liệu đến khi sản xuất ra sản phẩm đưa vào bảo quản. Máy móc thiết bị cũng được kiểm tra thường xuyên trong suốt quy trình sản xuất đảm bảo mọi sai sót trong quá trình sản xuất đều được xử lý kịp thời, hạn chế tối đa những hư hỏng có thể xảy ra.

Bảng 13: Thiết bị máy móc dùng trong sản xuất ống nhựa

| STT | Tên thiết bị | Sản phẩm | Số lượng | Công suất (tấn/tháng) | Tình trạng | Năm sản xuất |
|-----|-----------------|-----------------|----------|-----------------------|------------|---------------|
| 1 | AMUT 130 | HDPE Ø 630-1000 | 01 | 520 | 95% | Italia-2008 |
| 2 | DEKUMA 120 | HDPE Ø315-630 | 01 | 260 | 90% | German-2008 |
| 3 | AMUT 75 | HDPE Ø50-160 | 01 | 130 | 90% | Italia-2008 |
| 4 | PE 65 | HDPE Ø 25-40 | 01 | 45 | 80% | Japan - 2002 |
| 5 | KRAUSSMAFFED 90 | uPVC Ø122 - 450 | 01 | 140 | 85% | German - 2005 |
| 6 | HX51 | uPVC Ø21 - 114 | 02 | 150 | 85% | China - 2005 |
| 7 | DA | uPVC Ø 49 - 140 | 01 | 75 | 80% | Korea - 2002 |
| 8 | TW 90 | uPVC Ø140-250 | 01 | 140 | 80% | Korea - 2005 |

Nguồn: CTCP Nhựa Đồng Nai

**Bảng 14: Danh sách thiết bị dùng trong thi công đường ống**

| STT | Tên thiết bị | Công suất | Số lượng |
|-----|-----------------------------|-----------|----------|
| 1 | Máy hàn ống Ø1.000 | 25 Kw | 5 |
| 2 | Máy hàn ống Ø710 | 20 Kw | 4 |
| 3 | Máy hàn ống Ø630 | 15 Kw | 10 |
| 4 | Máy hàn ống Ø450 | 10 Kw | 4 |
| 5 | Máy hàn ống Ø315 | 7 Kw | 10 |
| 6 | Máy hàn ống Ø250 | 5 Kw | 10 |
| 7 | Máy hàn ống Ø160 | 3 Kw | 8 |
| 8 | Máy chế tạo phụ kiện Ø1.000 | 72 Kw | 1 |
| 9 | Máy chế tạo phụ kiện Ø630 | 30 Kw | 1 |
| 10 | Máy chế tạo phụ kiện Ø450 | 20 Kw | 1 |
| 11 | Máy phát điện 40 KVA | 40 KVA | 4 |
| 12 | Máy phát điện 35 KVA | 35 KVA | 4 |
| 13 | Máy phát điện 25 KVA | 25 KVA | 4 |
| 14 | Máy phát điện 5 KVA | 5 KVA | 2 |
| 15 | Xe cẩu | 5T | 1 |
| 16 | Xe nâng hạ | 2,5T | 2 |

Nguồn: CTCP Nhựa Đồng Nai

6.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Hiện nay, sản phẩm ống nhựa uPVC và HDPE của DNP chủ yếu phục vụ công trình hạ tầng điện, nước. Trong những năm vừa qua, DNP Corp đã khẳng định được thương hiệu ống nhựa Đồng Nai trong lĩnh vực đấu thầu cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho các công trình, nhưng lại bỏ ngỏ thị trường xây dựng dân dụng rộng lớn. Nhận thấy tầm quan trọng của thị trường này, DNP Corp đã thực hiện kế hoạch đầu tư thiết bị công nghệ sản xuất ống và phụ kiện xây dựng dân dụng (uPVC, PPR) theo công nghệ Đức và đã bước đầu thành công trong việc cung cấp bộ sản phẩm phụ kiện dân dụng đạt tiêu chuẩn cao.

Đối với ngành sản xuất bao bì, DNP đã bắt đầu triển khai nghiên cứu các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường, phát triển các sản phẩm có giá trị cao hơn, mở rộng phân khúc mới ở cả thị trường xuất khẩu và nội địa.

Đối với lĩnh vực nhựa gia dụng, thông qua công ty con là Nhựa Tân Phú, ngoài lĩnh vực nhựa công nghiệp truyền thống, Nhựa Tân Phú nghiên cứu, phát triển thêm lĩnh vực nhựa gia dụng.



Đối với ngành nước sạch, DNP Corp cũng định hướng giữ vững đầu tư lâu dài trong ngành nước với mục tiêu cung cấp nước cho người dân Việt Nam đủ nước sạch và ngon, DNP Corp tích cực tăng cường nguồn lực, hợp tác với các đối tác chiến lược hàng đầu về tài chính, công nghệ, vận hành để tăng sức cạnh tranh và vận hành bền vững.

6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

“Chất lượng sản phẩm luôn luôn là ưu tiên hàng đầu của Nhựa Đồng Nai”, do đó DNP Corp đã xây dựng đội ngũ Kiểm soát Chất lượng (QC) trình độ cao, quy trình kiểm soát sát sao và trang bị thiết bị kiểm tra tiên tiến.

Công ty áp dụng Hệ thống Quản lý Chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Mỗi công đoạn thực hiện trong quy trình sản xuất sản phẩm (cân trộn – đùn – in, cưa, đai cuộn – nhập kho – xuất kho: ống HDPE hay cân trộn – đùn – in, cưa – nong – vát, mài – nhập kho – xuất kho: ống uPVC) đều được kiểm soát chặt chẽ với tần suất liên tục (cân trộn: từng mẻ, đùn: 2-3 giờ/lần; in – cưa- đai cuộn: 3 lần/ca, 1 lần/giờ,...).

Công ty có phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn để thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm. Ngoài ra, Công ty còn gửi mẫu kiểm tra bên ngoài định kì 1 lần/năm với các chỉ tiêu sau:

- Đối với ống uPVC: độ bền kéo đứt, mô đun đàn hồi, độ co rút nhiệt, độ thay đổi kích thước theo chiều dài, nhiệt độ hóa mềm Vicat, khả năng chịu nén ngang, hàm lượng chì, hàm lượng Cadimi, hàm lượng thủy ngân, sự nhựa hóa ống bằng Diclorometan, độ bền đối với Axeton. Đối với ống HDPE: chỉ số cháy, độ bền kéo đứt, độ giãn dài tại thời điểm đứt, mô đun đàn hồi, nhiệt độ hóa mềm Vicat, hàm lượng Carbon, độ cứng ShoreD, độ co rút nhiệt, độ thay đổi kích thước theo chiều dài, hệ số giãn nở nhiệt, độ cứng ống.

Với quy trình kiểm tra nghiêm ngặt đó, Công ty rất tự tin về chất lượng sản phẩm của mình. Nhằm tạo sự tin tưởng cũng như hỗ trợ khách hàng, Công ty bảo hành 2 năm kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đối với tất cả các ống uPVC và HDPE.

Bảng 15: Các chỉ tiêu chất lượng của DNP

| Sản phẩm | Chỉ tiêu chất lượng |
|----------------------------------|---|
| Sản xuất & kinh doanh Bao bì mềm | ISO 9001-2008 Hệ thống quản lý chất lượng |
| | BSCI Tiêu chuẩn đánh giá tuân thủ trách nhiệm xã hội trong kinh doanh |
| Sản xuất & kinh doanh Ống nhựa | ISO 9001-2008 Hệ thống quản lý chất lượng |
| | ISO 4427-2:2007 Tiêu chuẩn sản xuất Ống HDPE |
| | DIN 8074-8075 Tiêu chuẩn sản xuất Ống HDPE |
| | ISO 4422-2:1996 Tiêu chuẩn sản xuất Ống uPVC |
| | BS 3505:1986 Tiêu chuẩn sản xuất Ống uPVC |
| Sản xuất nước sạch | AS/NZS 1477:2006 Tiêu chuẩn sản xuất Ống uPVC |
| | QCVN 01:2009/BYT; QCVN 02:2009/BYT Tiêu chuẩn nước sinh hoạt của Bộ Y tế Việt Nam |
| Phòng thí nghiệm | ISO/IEC 17025:2005 Yêu cầu chung về năng lực của phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn |

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

6.8 Tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017, DNP Corp tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi: ngành nước và ngành nhựa.

Đầu tư thành lập Công ty cổ phần Đầu tư ngành nước (DNP Water)

❖ Lý do thực hiện

Nhằm nắm bắt cơ hội đầu tư vào ngành nước và kết quả khả quan sau khi đầu tư vào nhà máy nước Bình Hiệp, tháng 4/2017, DNP Corp chính thức thành lập CTCP Đầu tư vào ngành nước (DNP Water) - đơn vị hoạt động theo mô hình công ty đầu tư, thực hiện đầu tư sở hữu, vận hành (trực tiếp hoặc gián tiếp) các nhà máy nước tại Việt Nam.

Việc đầu tư thành lập DNP Water giúp DNP Corp tập trung nguồn lực xây dựng, tăng tính cạnh tranh và phát triển bền vững trong ngành nước sạch, tận dụng, phát triển các năng lực cốt lõi gồm kinh nghiệm đầu tư, phát triển dự án, các thế mạnh về giải pháp, vật tư đường ống từ Nhựa Đồng Nai, nguồn lực tài chính, công nghệ, năng lực vận hành nhà máy... của các đối tác chiến lược.

❖ Kết quả đầu tư

Trong năm 2017, DNP Corp đã đầu tư 75% cổ phần của DNP Water. Đến đầu năm 2018, DNP Water đã đạt quy mô vốn điều lệ 1.100 tỷ đồng, có 3 công ty thành viên, 4 công ty liên kết/đối tác chiến lược và 3 dự án với tổng công suất 580.000 m³/ngày đêm. Đặc biệt, công ty trở thành đơn vị đầu tiên trong ngành nước nhận được cam kết góp vốn 24,9 triệu USD từ IFC - đơn vị thành viên của nhóm Ngân hàng Thế giới với những yêu cầu khắt khe về năng lực cốt lõi và áp dụng các thông lệ tốt về môi trường, xã hội và quản trị.

Kết quả đột phá của DNP Water sau chưa đầy 1 năm thành lập



Triển khai đầu tư các dự án nước mới**❖ Lý do thực hiện**

Triển khai các mục tiêu đầu tư cho ngành nước và nắm bắt xu hướng xã hội đầu tư của ngành nước sang khối tư nhân, Công ty đã thông qua DNP Water thực hiện phát triển các dự án nhà máy nước mới đón đầu nhu cầu dùng nước ngày một tăng cao của các địa phương.

❖ Kết quả đầu tư

Trong năm 2017, Công ty đã thi công 50% tiến độ nhà máy nước DNP-Bắc Giang với công suất giai đoạn 1 là 30.000m³/ngày đêm (trong tổng 2 giai đoạn 60.000m³/ngày đêm), hoàn thiện các thủ tục để xây dựng dự án nhà máy nước DNP-Long An với công suất tương tự. Công ty cũng đã được giao thực hiện dự án nhà máy nước mới tại Khánh Hoà với tổng công suất 100.000m³/ngày đêm.

Đầu tư phát triển sản phẩm ống nhựa và phụ kiện**❖ Lý do thực hiện**

Nhựa xây dựng chiếm tỷ trọng 27% ngành nhựa Việt Nam và còn dư địa phát triển rất lớn vì hạ tầng đô thị Việt Nam còn thấp, cần đến 20-30 năm phát triển để tương đương với Singapore, Thượng Hải. Sức hấp dẫn của thị trường nhựa xây dựng nói chung và thị trường ống nhựa dân dụng nói riêng được thể hiện ở việc ngày càng nhiều doanh nghiệp mới tham gia thị trường, bên cạnh các doanh nghiệp dẫn đầu hiện tại là Nhựa Bình Minh và Nhựa Tiền Phong. Khác với mảng ống nhựa hạ tầng sản xuất theo đơn đặt hàng và bán hàng qua bên B2B, mảng ống nhựa dân dụng đòi hỏi sự đa dạng về sản phẩm và phụ kiện, kênh phân phối rộng và nguồn hàng cung cấp sẵn sàng.

Nhằm phát triển thị trường ống nhựa dân dụng, năm 2017 Nhựa Đồng Nai tiếp tục đầu tư phát triển các sản phẩm ống nhựa và phụ kiện sản phẩm (uPVC, PPR), tăng số lượng và chất lượng các sản phẩm cung cấp ra thị trường, đảm bảo tính cạnh tranh của công ty trong mảng nhựa dân dụng.

❖ Kết quả đầu tư

Các sản phẩm của Nhựa Đồng Nai đã được thử nghiệm, nghiệm thu và sản xuất hàng loạt nhằm đáp ứng đơn hàng ngày càng tăng trong mảng ống và phụ kiện dân dụng. Hiện tại, dây sản phẩm dân dụng của công ty đã được hoàn thiện. Với các sản phẩm ống nhựa và phụ kiện đa dạng uPVC (21-400mm), PPR (25-160mm), HDPE (25-1000mm), Nhựa Đồng Nai hiện là nhà cung cấp có khả năng đáp ứng đầy đủ và nhanh chóng các yêu cầu của khách hàng.

Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất bao bì**❖ Lý do thực hiện**

Bao bì nhựa chiếm tỷ trọng lớn nhất trong ngành nhựa Việt Nam (trên 30%) với quy mô xấp xỉ 4,7 tỷ USD trong năm 2016 và có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất. Trong đó, bao bì nhựa mềm có tiềm năng phát triển rất lớn từ nhu cầu sử dụng hàng ngày của các cá nhân, tổ chức, hộ gia đình...

Tiếp nối thành công của mảng kinh doanh bao bì xuất khẩu trong thời gian qua, DNP quyết định đầu tư tăng công suất sản xuất bao bì mềm từ 1.000 tấn/tháng lên 1.300 tấn/tháng trong năm 2017. Đồng thời tăng thêm chủng loại sản phẩm mới cho mảng kinh doanh này để đáp ứng nhu cầu của thị trường xuất khẩu và nội địa. Công ty cũng đầu tư phát triển các sản phẩm túi ni lông phân hủy sinh học thân thiện với môi trường để bắt kịp xu hướng tiêu dùng xanh đang phát triển.

❖ **Kết quả đầu tư**

Dự án đầu tư mở rộng quy mô sản xuất bao bì ngay khi hoàn thành đã nhanh chóng đáp ứng các đơn hàng từ các đối tác hiện tại và các các đối tác mới được khai thác trong năm 2017. Các sản phẩm mới được sản xuất (túi rút dây, C-Fold, block head)...giúp đẩy sản phẩm bao bì mềm của công ty đa dạng hơn về mẫu mã, tính năng sử dụng, tiếp cận được nhiều khách hàng mới. Tháng 3/2018, sản phẩm bao bì nội địa của công ty chính thức được Bộ Tài nguyên Môi trường chứng nhận là Túi ni lông phân hủy sinh học, thân thiện với môi trường, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc mở rộng phân phối các sản phẩm bao bì trên thị trường nội địa.

Đầu tư mở rộng mảng nhựa gia dụng

❖ **Lý do thực hiện**

Nhựa gia dụng chiếm tỷ trọng gần 20% ngành nhựa Việt Nam, và có tiềm năng phát triển rất lớn nhờ các yếu tố (i) thu nhập của người dân Việt Nam tăng cao qua các năm, (ii) nhu cầu sử dụng các sản phẩm nhựa gia dụng cao cấp hơn với tính tiện ích, chất lượng cao và thiết kế đẹp, (iii) thị trường nhựa gia dụng chủ yếu chia thành 2 phân khúc, hoặc là cao cấp như hàng nhựa nhập khẩu của các thương hiệu Hàn Quốc, Nhật Bản...với giá thành cao, hoặc là hàng Việt Nam giá thấp và mẫu mã chưa đa dạng. Vì thế, Nhựa Tân Phú định hướng sản xuất các sản phẩm nhựa gia dụng cho phân khúc thị trường trung cấp với chất lượng, mẫu mã như hàng nhập nhưng giá cạnh tranh hơn.

Khi mở rộng sang mảng nhựa dân dụng, Nhựa Tân Phú có thể giảm thiểu chi phí và thời gian đầu tư sản xuất nhờ tận dụng nhà máy, dây chuyền công nghệ, nhân công và kinh nghiệm sản xuất sẵn có, kết hợp với sự hỗ trợ của các chuyên gia, đối tác Nhật Bản.

❖ **Kết quả đầu tư**

Đầu năm 2018, Nhựa Tân Phú đã hoàn thành thiết kế sản phẩm, trang bị xong khuôn mẫu và dây chuyền công nghệ, sẵn sàng sản xuất, giới thiệu các thiết bị nhựa gia dụng đầu tiên ra thị trường.

6.9 Hoạt động marketing

Hoạt động nghiên cứu thị trường: Hiện nay, hoạt động nghiên cứu thị trường do Phòng Kinh doanh phụ trách. Bên cạnh đó, Phòng Kinh doanh cũng thực hiện việc theo dõi, thống kê, phân tích và nghiên cứu những biến động có thể ảnh hưởng đến giá nguyên liệu trong nước và trên thế giới nhằm đưa ra những quyết định về việc dự trữ nguyên vật liệu hợp lý, phù hợp với từng thời điểm sản xuất kinh doanh, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty.



Hoạt động quảng bá thương hiệu sản phẩm: Ngoài công tác tự giới thiệu sản phẩm thông qua tìm kiếm, nắm bắt nhu cầu của khách hàng, nhờ uy tín và chất lượng, dịch vụ sản phẩm đã cung cấp Công ty còn nhận được thêm các khách hàng mới thông qua sự giới thiệu của các khách hàng truyền thống, đối tác có sử dụng sản phẩm của Công ty. Đây là một lợi thế không nhỏ trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay. Bên cạnh đó, Công ty lập website với địa chỉ là www.dnpcorp.vn để giới thiệu những sản phẩm và dịch vụ hiện đang cung cấp cho khách hàng.

6.10 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Sau khi thay đổi nhận diện thương hiệu, Công ty đang tiến hành đăng ký nhãn hiệu thương mại, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu. Tuy nhiên, đến nay Công ty chưa có văn bản chính thức của Cục sở hữu trí tuệ. Công ty cũng không có nhãn hiệu thương mại nào còn hiệu lực tới thời điểm hiện tại.

6.11 Các hợp đồng đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Hiện nay, hệ thống khách hàng tiêu thụ sản phẩm ống nhựa của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai trải dài trên 43 tỉnh thành trong cả nước. Hiện tại, Công ty có kế hoạch đầu tư nhà máy phía Bắc để hoàn thiện hệ thống nhà máy cả 3 miền.

Bảng 16: Các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết .

| ST T | Tên hợp đồng | Tên khách hàng | Giá trị hợp đồng | Sản phẩm | Thời điểm ký kết | Thời gian |
|------|------------------|--|------------------|--------------------|------------------|-----------|
| 1. | GSP-DNP 01.018 | Sphere Nederland B.V | \$828.955 | Túi nhựa xuất khẩu | 08.01.2018 | 2018 |
| 2. | GSP-DNP 06.018 | Sphere Germany GMBH | \$536.700 | Túi nhựa xuất khẩu | 05.02.2018 | 2018 |
| 3. | DNP/PAC P02819 | Pack-It B.V | \$374.355 | Túi nhựa xuất khẩu | 28.09.2017 | 2017-2018 |
| 4. | 13/2018/h đ-mbhd | CTCP Cấp nước Quảng Bình | 12,3 tỷ đồng | Ống nhựa | 21.03.2018 | 2018 |
| 5. | 012/2018/HĐKT | CTCP Xây lắp và SX thiết bị ngành nước | 8,6 tỷ đồng | Ống nhựa | 02.08.2018 | 2018 |
| 6. | 099/2018/HĐKT | Công ty TNHH MTV TM DV XD An Duy | 6,9 tỷ đồng | Ống nhựa | 26.03.2018 | 2018 |
| 7. | 18/HĐKT (085) | CTCP CTN Cần Thơ | 6,5 tỷ đồng | Ống nhựa | 26.03.2018 | 2018 |
| 8. | 007/2018/HĐBH | CTCP Khoan và XL Cấp thoát nước | 6,5 tỷ đồng | Ống nhựa | 25.01.2018 | 2018 |
| 9. | 012/2018/HĐKT | CTCP Tập đoàn Đức Tường | 5,7 tỷ đồng | Ống nhựa | 02/08/2018 | 2018 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

7. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 02 NĂM GẦN NHẤT VÀ ĐẾN QUÝ GẦN NHẤT

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về HĐSXKD trong 2 năm gần nhất và quý gần nhất

Bảng 17: Kết quả hoạt động năm 2016, 2017 và Quý I/2018

Đvt: 1.000 đồng

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2017 | | Quý I/2018 |
|----|----------------------|---------------|---------------|-------------------|---------------|
| | | | Giá trị | % +/- so với 2015 | |
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 2.518.468.404 | 3.852.650.738 | 52,98% | 4.457.375.795 |
| 2 | Doanh thu thuần | 1.454.703.068 | 1.504.760.361 | 3,44% | 436.000.659 |
| 3 | Lợi nhuận từ HĐKD | 107.771.290 | 89.080.432 | -17,34% | 14.141.582 |
| 4 | Lợi nhuận khác | 7.178.739 | (2.080.237) | -128,98% | (2.190.493) |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 114.950.030 | 87.000.195 | -24,31% | 11.951.359 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 96.427.497 | 72.500.508 | -24,81% | 9.721.215, |
| 7 | Tỷ lệ cổ tức | 25% | 13% | -48,00% | - |

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017 và BCTC Quý I/2018 - DNP

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi

- Sức mua chung của thị trường tăng rõ ràng hơn. Hệ thống phân phối hoạt động tốt và Công ty tham gia nhiều hơn vào các dự án hạ tầng, địa ốc đang có dấu hiệu hồi phục.
- Bộ máy quản trị, điều hành: Hệ thống quản trị, điều hành và cấu trúc bộ máy Công ty đã được cải tiến theo hướng đáp ứng nhu cầu quản trị và điều hành Công ty trong quá trình phát triển và hội nhập góp phần tăng khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường.
- Nguồn nhân lực: Ban lãnh đạo chủ chốt của Công ty là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kinh doanh; có sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố kinh nghiệm kinh doanh với kỹ năng quản trị công ty. Đội ngũ cán bộ, nhân viên có đạo đức nghề nghiệp, có trình độ, chuyên môn, có kinh nghiệm và tràn đầy nhiệt huyết, gắn bó với Công ty qua nhiều năm hoạt động.
- Máy móc thiết bị hiện đại đảm bảo cho Công ty sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng và ổn định.
- Chất lượng sản phẩm của Công ty đã được khẳng định với các khách hàng đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, cấp thoát nước. Điều này giúp cho Công ty luôn duy trì được một lượng khách thường xuyên và một mức tăng trưởng ổn định.



- Nền kinh tế trong nước và nước ngoài khởi sắc là động lực thúc đẩy cầu sản phẩm và dịch vụ của Công ty tăng cao.
- Thị trường chứng khoán diễn biến thuận lợi, chứng khoán là một kênh đầu tư hấp dẫn, các công ty niêm yết như DNP Corp thuận lợi trong việc phát hành cổ phiếu huy động vốn điều lệ để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch chiến lược dài hạn của Công ty.

❖ **Khó khăn**

- Nguyên liệu nhựa sản xuất trong nước còn hạn chế về chủng loại và sản phẩm. Do chưa chủ động được nguồn nguyên liệu, nên giá thành sản xuất của ngành nhựa cũng bị biến động theo giá nguyên liệu nhập khẩu. Chi phí đầu vào tăng, đặc biệt là giá nguyên liệu bình quân cả năm tăng với tỷ lệ cao so với cùng kỳ và ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận.
- Dự báo nhu cầu thị trường chưa chính xác nên mặc dù tăng trưởng sản lượng cao vẫn còn thiếu hụt sản phẩm so với nhu cầu thị trường.
- Áp lực cạnh tranh trên thị trường ngày càng lớn, ngày càng có nhiều nhà đầu tư trong nước và nước ngoài mở rộng ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh bằng hình thức đầu tư doanh nghiệp hoặc mở mới Công ty hoạt động cùng ngành nghề với DNP. Do đó có thể dẫn đến việc tranh giành thị phần giữa các công ty trong cùng ngành ngày càng khốc liệt

8. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai là một trong 5 doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và cung ứng các sản phẩm ống nhựa uPVC (21mm-400mm) và HDPE (25mm-1.000mm). Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai hiện có 2 nhà máy đặt tại Đồng Nai và Quảng Nam với khả năng sản xuất 3.000 tấn/tháng. Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai đang sở hữu hệ thống dây chuyền sản xuất tiên tiến của các nước châu Âu (Đức và Italia).

Trong lĩnh vực cấp thoát nước, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai có bề dày 15 năm kinh nghiệm cung cấp các sản phẩm ống nhựa uPVC và HDPE cho các dự án trọng điểm quốc gia như: Công trình tuyến ống hệ thống làm mát dự án Nhiệt Điện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh tổng chiều dài 22km ống HDPE DN630, dự án hệ thống ống cấp 1 dự án nước mặt Bắc Ninh hơn 9km ống DN630-225, dự án tuyến ống cấp nước sạch thị xã Gò Công và huyện Gò Công Đông DN400-710 với tổng chiều dài hơn 20km, dự án tuyến ống làm mát Nhiệt Điện Thái Bình 2 DN450 với chiều dài hơn 28km, dự án tuyến ống cấp 1 huyện Củ chi DN710-800 với chiều dài hơn 5km...

Hiện tại DNP đang nắm giữ vị trí số 1 trong lĩnh vực cung cấp ống nhựa hạ tầng với thị phần nắm giữ lên đến 40% toàn ngành, tập trung chủ yếu ở các công trình cấp thoát nước với mạng lưới cung cấp rộng khắp 43/63 tỉnh thành.



DNP đang là nhà cung cấp chính cho các công ty Xây dựng lớn, có thể kể đến như Tổng công ty Đầu tư Xây dựng cấp thoát nước và môi trường Việt Nam, Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn, CTCP Cơ khí công trình cấp nước và các công ty xây dựng lớn khác như Vinaconex 5, Vinaconex 17,...

Đối với lĩnh vực nhựa công nghiệp của đơn vị thành viên thì công ty cũng nằm trong khoảng top 5, với 41 năm kinh nghiệm trong nghề. Khách hàng là những Tập đoàn, Tổng công ty hàng đầu trên thế giới và trong nước như CocaCola, Vedan, Sabeco, Pinaco, Pepsi, Lavie, Nutifood....

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Nhựa được đánh giá là ngành công nghiệp mũi nhọn, với tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm luôn vào khoảng 16-18 %. Tính đến thời điểm hiện tại, đã có hơn 2.200 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nhựa tại Việt Nam, trong đó số lượng các công ty trong nước chiếm tới hơn 85 %. Tỷ lệ tiêu thụ nội địa và kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm từ nhựa ngày càng tăng cao, vì tính chất phổ biến cũng như ứng dụng rộng rãi của nó trong nhiều ngành kinh tế và công nghiệp khác như: Điện, điện tử, viễn thông, truyền thông và vận tải, thủy sản, nông nghiệp. Dự báo đến năm 2020, các doanh nghiệp nhựa trong nước sẽ cần tới hơn 5 triệu tấn nguyên liệu đầu vào để đáp ứng đầy đủ các nhu cầu đa dạng trong sản xuất và kinh doanh.

Triển vọng tăng trưởng tích cực của ngành công nghiệp nhựa Việt Nam đã thu hút được nhiều sự quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là Thái Lan. Điều này mang lại nhiều cơ hội kinh doanh mới cho các doanh nghiệp trong nước, cũng như những khó khăn thách thức về năng lực cạnh tranh trên trường quốc tế. Thực tế cho thấy, việc sử dụng máy móc, công nghệ lạc hậu khiến cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ gặp nhiều khó khăn trong việc nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, nhất là trong bối cảnh hội nhập như hiện nay.

Chính vì vậy, để có thể nâng cao năng lực cạnh tranh và tham gia vào mạng lưới sản xuất toàn cầu, doanh nghiệp Việt Nam cần phải mạnh dạn đầu tư hơn nữa vào công tác đổi mới máy móc công nghệ, tăng cường kiến thức chuyên môn và liên tục cập nhật xu thế thị trường.

8.3 Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Theo quy hoạch phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 của Bộ Công Thương, mục tiêu tổng quát của quy hoạch là phát triển ngành nhựa Việt Nam thành ngành công nghiệp tiên tiến, sản xuất được những sản phẩm chất lượng cao, đa dạng hóa về chủng loại, mẫu mã, có tính cạnh tranh cao, thân thiện với môi trường, đáp ứng phần lớn nhu cầu của thị trường trong nước, có khả năng xuất khẩu những sản phẩm có giá trị gia tăng cao với sản lượng ngày càng cao. Cụ thể, phần đầu tỷ trọng ngành nhựa so với toàn ngành công nghiệp đến năm 2015 đạt 5%, đến năm 2020 đạt 5,5% và tăng lên 6% vào năm 2025. Đến năm 2015, sản lượng các sản phẩm ngành nhựa đạt 7,5 triệu tấn đến năm 2020 đạt 12,5 triệu tấn. Mục tiêu kim ngạch xuất khẩu tới 2015 là 2,15 tỷ USD, đến năm 2020 là 4,3 tỷ USD với tốc độ tăng trưởng khoảng 15%.

Với uy tín, thương hiệu 40 năm thành lập và hoạt động, Công ty chủ trương tạo ra các sản phẩm với chất lượng tốt, hợp với xu hướng người tiêu dùng cũng như xu hướng của thế giới. Trong ngành nhựa, hai đơn vị của DNP Corp là Nhựa Đồng Nai và Nhựa Tân Phú đã khẳng định vị thế nhờ sở hữu và làm chủ toàn bộ chuỗi công nghệ nhựa từ thổi, đùn, đến ép phun, cùng với thương hiệu lâu năm và kinh nghiệm phát triển thị trường.

Công ty hợp tác với các đối tác Nhật Bản để nâng cấp quy trình sản xuất và chất lượng của các sản phẩm nhựa, không chỉ tăng tính cạnh tranh của sản phẩm nhựa, không chỉ tăng tính cạnh tranh của các sản phẩm của Công ty, mà còn nâng cao độ tin nhiệm đối với các sản phẩm Việt Nam. Bên cạnh đó, Công ty đã đầu tư phát triển các sản phẩm mới và đẩy mạnh phát triển thị trường, đặc biệt là bắt đầu thâm nhập vào thị trường dân dụng và gia dụng, ngoài các dự án nhựa hạ tầng đã chiếm lĩnh.

Chiến lược Công ty trong ngành nhựa và ngành nước trong những năm tới: (1) Măng ống nhựa hạ tầng: lấy ống nhựa và phụ kiện làm sản phẩm lõi, bổ sung các sản phẩm, giải pháp và dịch vụ giàu giá trị gia tăng cho khách hàng, thông qua đó trở thành: “Nhà cung cấp ống nhựa, vật tư điện nước có quy mô hàng đầu Việt Nam”; (2) Măng bao bì mềm và nhựa công nghiệp: mở rộng quy mô sản xuất, chọn lọc và tham gia vào chuỗi sản phẩm có giá trị cao và chất lượng khách hàng tốt.; (3) Măng nhựa gia dụng: phát triển các sản phẩm nhựa gia dụng tiện ích và chất lượng cao, thiết kế đẹp cho người tiêu dùng Việt Nam; (4) Tiếp tục theo đuổi để trở thành đối tác chiến lược của các công ty nước đang hoạt động, và được quyền triển khai các dự án nhà máy nước mới tại các địa bàn giàu tiềm năng phát triển dịch vụ, công nghiệp, du lịch; (5) Tăng cường quản trị tại các đơn vị thành viên bằng việc áp dụng các công nghệ và thông lệ vận hành, quản trị tốt nhất; (6) Tận dụng tối đa kinh nghiệm đầu tư, xây dựng và vận hành các nhà máy nước đã có, kết hợp với thế mạnh của các đối tác chiến lược và các đơn vị thành viên để đạt hiệu quả tối ưu trong các dự án và trong hoạt động.

Cùng với chủ trương quan tâm và tạo điều kiện của Nhà nước vào ngành nhựa vật liệu xây dựng nói riêng và ngành nhựa nói chung, hoạt động của Công ty được đánh giá là phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu hướng chung trên thế giới.

9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

9.1 Số lượng và cơ cấu lao động

Số lượng và cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/03/2018 là 548 người. Cơ cấu lao động chi tiết như sau:

Bảng 18: Tình hình lao động của Công ty

| Trình độ | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
|-------------------------|------------|----------------|
| Đại học và trên Đại học | 76 | 13,87% |
| Cao đẳng | 21 | 3,83% |
| Trung cấp | 23 | 4,20% |
| Phổ thông | 428 | 78,10% |
| TỔNG | 548 | 100,00% |

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai



9.2 Các chính sách đối với người lao động

Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, DNP Corp luôn đặt vấn đề đào tạo nhân lực và thực hiện chính sách thu hút lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược của DNP Corp.

❖ Chính sách tiền lương

Áp dụng theo chức danh và tính chất từng công việc, Công ty thực hiện chi trả lương cho CBCNV trong Công ty đúng và đầy đủ theo Quy chế lương, trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành.

❖ Chính sách tiền thưởng

DNP Corp thực hiện thưởng cho các CBCNV trên cơ sở lương chức danh công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

Công ty thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động như: chế độ trợ cấp đặc biệt cho cán bộ là thương binh, trợ cấp CBCNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; tổ chức thăm hỏi động viên người lao động hoặc thân nhân người lao động bị ốm đau, bệnh tật, tử tuất...

❖ Công tác an toàn và môi trường

Công ty đã thực hiện nghiêm chỉnh các quy chế về an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ trong Công ty.

❖ Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- Tuyển dụng: Công ty ưu tiên tuyển dụng những lao động trẻ, có trình độ học vấn cao để Công ty đào tạo trong chương trình cán bộ nguồn nhằm đáp ứng cho nhu cầu liên tục phát triển và mở rộng quy mô Công ty, cũng như tăng cường cho các nhà máy, chi nhánh mới.
- Đào tạo: Với mục tiêu đào tạo đội ngũ CBCNV lành nghề, giỏi quản lý, hàng năm Công ty điều trích ra một khoản chi phí cho công tác đào tạo. Số tiền này được Công ty dùng để hỗ trợ cho CBCNV tham gia các khóa đào tạo về nghiệp vụ, ngoại ngữ, tham quan học hỏi công nghệ mới nhằm nâng cao trình độ. Chính sách đào tạo luôn được duy trì nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho CBCNV và tạo nguồn nhân lực bổ sung vào các vị trí chủ chốt trong Công ty.

10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Chính sách phân phối cổ tức do HĐQT Công ty đề nghị và ĐHĐCĐ quyết định. Cụ thể, DNP Corp chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế cũng như các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, HĐQT đề xuất phương án chia cổ tức phù hợp trình ĐHĐCĐ quyết định. Tùy theo tình hình thực tế, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo Quý, 6 tháng, 9 tháng, nhưng không vượt quá mức cổ tức dự kiến đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Bảng 19: Tỷ lệ trả cổ tức của Công ty

| Nội dung | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Cổ tức/mệnh giá | 22% | 25% | 13% |
| Hình thức chi trả | trả bằng cổ phiếu | trả bằng cổ phiếu | trả bằng cổ phiếu |

Nguồn: CTCP Nhựa Đồng Nai

11. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

11.1 Vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 20: Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

| TT | Hạng mục | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 31/03/2018 |
|-----------|--|----------------------|----------------------|----------------------|
| I | Vốn chủ sở hữu | 554.889.657 | 968.425.841 | 1.053.257.056 |
| 1 | Vốn điều lệ | 300.056.240 | 500.092.720 | 500.092.720 |
| 2 | Thặng dư vốn cổ phần | 29.155.000 | 29.002.900 | 29.002.900 |
| 3 | Quỹ đầu tư phát triển | 2.746.814 | 726.040 | 726.040 |
| 4 | Vốn khác của chủ sở hữu | 15.974.217 | 12.757.228 | 12.757.228 |
| 5 | Cổ phiếu quỹ | (342) | (342) | (342) |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 86.136.965 | 138.581.969 | 138.033.780 |
| 7 | Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 120.820.763 | 287.265.325 | 372.644.729 |
| II | Nợ phải trả | 1.963.758.746 | 2.884.224.897 | 3.404.118.739 |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 874.784.666 | 1.291.620.341 | 1.247.083.870 |
| - | Phải trả người bán | 69.522.175 | 108.063.763 | 83.329.361 |
| - | Người mua trả tiền trước | 7.912.261 | 6.586.739 | 8.101.230 |
| - | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 6.912.818 | 4.705.062 | 5.964.198 |
| - | Phải trả người lao động | 19.668.828 | 12.643.814 | 7.257.875 |
| - | Chi phí phải trả | 6.543.956 | 12.346.506 | 12.817.353 |
| - | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 9.200.298 | 80.268.734 | 5.903.150 |
| - | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 751.879.335 | 1.064.565.499 | 1.121.362.018 |
| - | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 3.144.995 | 2.440.224 | 2.348.684 |
| - | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | - | - | - |
| - | Dự phòng phải trả ngắn hạn | - | - | - |



| TT | Hạng mục | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 31/03/2018 |
|----|----------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| 2 | Nợ dài hạn | 1.088.974.080 | 1.592.604.556 | 2.157.034.869 |
| - | Phải trả dài hạn khác | 316.668.910 | 575.421.179 | 457.421.180 |
| - | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 743.502.771 | 963.051.953 | 1.628.059.264 |
| - | Thuế TNDN hoãn lại | 28.802.399 | 54.131.424 | 53.554.425 |
| | Tổng cộng nguồn vốn | 2.518.648.403 | 3.852.650.738 | 4.457.375.795 |

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất cho năm 2016, 2017 và BCTC Quý I/2018 - DNP

Bảng 21: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

| Chỉ tiêu | 31/03/2016 | 31/12/2017 | 31/03/2018 |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|
| Tài sản Ngắn hạn | 898.455.742 | 1.409.848.480 | 1.772.481.510 |
| Tiền mặt và các khoản tương đương tiền | 154.838.424 | 307.873.207 | 206.668.865 |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 19.622.200 | 102.904.908 | 83.390.771 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 385.259.763 | 636.129.663 | 1.096.395.477 |
| Hàng tồn kho | 305.354.893 | 314.352.967 | 319.128.121 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 33.380.462 | 48.587.734 | 66.897.795 |
| Tài sản Dài hạn | 1.620.012.661 | 2.442.802.258 | 2.684.894.285 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 14.258.104 | 25.105.741 | 22.308.842 |
| Tài sản cố định | 1.197.703.915 | 1.690.763.833 | 1.684.788.597 |
| Bất động sản đầu tư | - | - | - |
| Tài sản dở dang dài hạn | 67.581.174 | 145.980.309 | 283.949.445 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 144.246.752 | 218.772.691 | 348.110.078 |
| Tài sản dài hạn khác | 196.222.716 | 362.179.684 | 345.737.323 |
| Tổng cộng | 2.518.468.403 | 3.852.650.738 | 4.457.375.895 |

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất cho năm 2016, 2017 và BCTC Quý I/2018 - DNP

Giải trình của Công ty về các thông tin tài chính

❖ Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017



Tại ngày 31/12/2017, Công ty đang ghi nhận khoản lợi thế thương mại với số tiền 332,1 tỷ đồng. Khoản lợi thế thương mại này được ghi nhận căn cứ theo hướng dẫn tại Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị ghi nhận = Giá trị lợi thế thương mại phát sinh – giá trị lợi thế thương mại phân bổ trong năm.

Trong đó:

- Giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư lớn hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát tại các công ty con (Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung, Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú, Công ty Cổ phần Bình Hiệp và Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm) với số tiền 363,4 tỷ đồng.
- Phân bổ giá trị lợi thế thương mại đều trong vòng 10 năm kể từ ngày có quyền kiểm soát tại các công ty con nêu trên. Giá trị lợi thế thương mại phân bổ vào chi phí năm 2017 là 31,3 tỷ đồng.
- ❖ **Các khoản phải thu ngắn hạn khác trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 và quý 1/2018**

Tại ngày 31/12/2017, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu khác về đặt cọc mua cổ phần với số tiền 41,5 tỷ đồng căn cứ theo các hợp đồng mua bán cổ phần Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (40 tỷ đồng) và cổ phần Công ty Cấp thoát nước Bình Thuận (1,5 tỷ đồng).

Ngoài ra, tại ngày 31/12/2017, Công ty cũng đang ghi nhận khoản phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay trên khoản mục “phải thu khác ngắn hạn khác” với số tiền 3,081 tỷ đồng. Đây là khoản lãi dự thu phát sinh từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính. Số dư gốc của các khoản tiền gửi có kỳ hạn đang được theo dõi và trình bày trên khoản mục “Các khoản tương đương tiền” và “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”.

Tại ngày 31/3/2018, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu về đặt cọc mua cổ phần với số tiền 272,227 tỷ đồng. Đây là các khoản phải thu về đặt cọc theo hợp đồng mua bán cổ phần Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (60 tỷ đồng) và cổ phần Công ty Cổ phần Nước sạch số 3 (212,227 tỷ đồng).

❖ **Phải thu khách hàng tại 31/3/2018**

Tại ngày 31/3/2018, Công ty trình bày và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất đối với khoản phải thu khách hàng – các đối tượng khác với số tiền 330,971 tỷ đồng.

Trong đó, chủ yếu là các khoản phải thu thương mại từ các khách hàng của công ty mẹ là Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai và công ty thành viên là Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Trong số dư phải thu khách hàng này không có khoản phải thu từ cho vay. Vì vậy không có khoản vay nào liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các bộ quản lý khác theo quy định tại Điều 25, Điều 26, Nghị định 71/2017/NĐ-CP

11.2 Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại TSCĐ như sau:

Bảng 22: Số năm khấu hao TSCĐ hữu hình

| Loại tài sản cố định | Số năm |
|---------------------------------|-------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| Máy móc và thiết bị | 05-10 năm |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05-30 năm |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 03-05 năm |

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2017 – DNP

Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. TSCĐ được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất vay tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

TSCĐ thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì TSCĐ sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại TSCĐ thuê tài chính như sau:

Bảng 23: Số năm khấu hao TSCĐ thuê tài chính

| Loại tài sản cố định | Số năm |
|------------------------|-------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 10 năm |
| Máy móc và thiết bị | 05 - 7 năm |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2017 – DNP

11.3 Thu nhập bình quân**Bảng 24: Mức lương bình quân**

| Chỉ tiêu | 2015 | 2016 | 2017 |
|---|------|------|------|
| Mức lương bình quân (triệu VND/người/tháng) | 7,0 | 8,5 | 9,9 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

11.4 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc kế ước tiền vay. Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn chưa được dự phòng.

Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty không có khoản nợ nào với các Thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, cổ đông lớn và những người có liên quan và ngược lại.

11.5 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế giá trị gia tăng VAT, thuế xuất nhập khẩu và các khoản phí khác theo các quy định của Nhà nước.

11.6 Trích lập các quỹ theo luật định

Việc trích lập các quỹ của Công ty được thực hiện căn cứ theo:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ;
- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới;
- Quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Đề xuất của HĐQT và sự phê duyệt của ĐHĐCĐ.

Bảng 25: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty qua các năm

Đvt: 1.000 đồng

| Stt | Chỉ tiêu | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 31/03/2018 |
|-----|---------------------------|--------------|------------|------------|
| 1 | Quỹ đầu tư phát triển | 2.746.814635 | 726.040 | 726.040 |
| 2 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 3.144.995 | 2.440.224 | 2.348.684 |

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2017, BCTC Quý I/2018 - DNP

11.7 Tổng dư nợ vay**Bảng 26: Số dư các khoản vay của Công ty qua các năm (Hợp nhất)**

Đvt: 1.000 đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 31/03/2018 |
|-----|-----------------------------------|-------------|---------------|---------------|
| 1 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 751.879.335 | 1.064.565.499 | 1.121.362.018 |
| 2 | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 743.502.771 | 963.051.953 | 1.628.059.265 |

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2017 và Quý I/2018 - DNP



11.8 Tình hình công nợ hiện nay

❖ Các khoản phải thu

Bảng 27: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)

Đvt: 1.000 đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 31/03/2018 |
|------------------------------------|--------------------|--------------------|----------------------|
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 385.259.764 | 636.129.663 | 1.096.395.477 |
| Phải thu từ khách hàng | 317.193.911 | 340.343.098 | 402.336.311 |
| Trả trước cho người bán | 51.460.312 | 278.724.674 | 426.970.188 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 32.297.315 | 810.000 | 810.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 20.804.231 | 54.558.483 | 304.585.569 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (36.496.005) | (38.306.591) | (38.306.591) |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | | | |
| Các khoản phải thu dài hạn | 14.258.104 | 25.105.741 | 22.308.842 |
| Tổng cộng | 399.517.868 | 661.235.404 | 1.118.704.319 |

Nguồn: BCTC, kiểm toán hợp nhất năm 2017 và Quý I/2018 - DNP

❖ Các khoản nợ phải trả

Bảng 28: Chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty (Hợp nhất)

Đvt: 1.000 đồng

| Stt | Chỉ tiêu | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 31/03/2018 |
|----------|--|----------------------|----------------------|----------------------|
| 1 | Nợ ngắn hạn | 874.784.666 | 1.291.620.341 | 1.247.083.870 |
| - | Phải trả người bán | 69.522.175 | 108.063.763 | 83.329.361 |
| - | Người mua trả tiền trước | 7.912.261 | 6.586.739 | 8.101.230 |
| - | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 6.912.818 | 4.705.062 | 5.964.198 |
| - | Phải trả người lao động | 19.668.828 | 12.643.814 | 7.257.875 |
| - | Chi phí phải trả | 6.543.956 | 12.346.506 | 12.817.353 |
| - | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 9.200.298 | 80.268.734 | 5.903.150 |
| - | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 751.879.335 | 1.064.565.499 | 1.121.362.018 |
| - | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 3.144.995 | 2.440.224 | 2.348.684 |
| - | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | - | - | - |
| - | Dự phòng phải trả ngắn hạn | - | - | - |
| 2 | Nợ dài hạn | 1.088.974.080 | 1.592.604.556 | 2.157.034.869 |
| - | Phải trả dài hạn khác | 316.668.910 | 575.421.179 | 475.421.180 |



| Stt | Chỉ tiêu | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 31/03/2018 |
|-----|----------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| - | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 743.502.771 | 963.051.953 | 1.628.059.265 |
| - | Thuế TNDN hoãn lại | 28.802.399 | 54.131.424 | 53.554.425 |
| | Tổng cộng | 1.963.758.746 | 1.291.620.341 | 3.404.118.739 |

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017 và Quý I/2018 - DNP

11.9 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 29: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty giai đoạn 2016 – 2017

| Các chỉ tiêu tài chính cơ bản | Đơn vị | Năm 2016 | Năm 2017 |
|--|--------|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn) | Lần | 1,03 | 1,09 |
| + Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ NH | Lần | 0,67 | 0,85 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số Nợ/ Tổng tài sản | Lần | 0,78 | 0,75 |
| + Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu | Lần | 3,54 | 2,98 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay Hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho bình quân) | Lần | 5,39 | 2,94 |
| + Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân | Lần | 0,90 | 0,33 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 6,63 | 5,54 |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 15,57 | 8,61 |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân | % | 5,96 | 2,16 |
| + Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần | % | 7,41 | 5,92 |

Nguồn: Tổng hợp từ BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2017 của CTCP Nhựa Đồng Nai

12. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG

12.1 Danh sách thành viên Ban lãnh đạo Công ty

Bảng 30: Danh sách Ban lãnh đạo công ty

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Năm sinh |
|-----------|---|---------------------------|----------|
| I. | Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc | | |
| | Ông Vũ Đình Độ | Chủ tịch HĐQT | 1982 |
| | Ông Ngô Đức Vũ | Phó Chủ tịch HĐQT | 1976 |
| | Ông Nguyễn Văn Hiếu | Thành viên HĐQT- TGD | 1982 |
| | Bà Phan Thị Thu Thảo | Thành viên HĐQT – Phó TGD | 1982 |



| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Năm sinh |
|------------|-----------------------|-----------------|----------|
| | Ông Mai Thế Khôi | Thành viên HĐQT | 1991 |
| | Trần Hữu Chuyên | Phó TGD | 1959 |
| II. | Ban Kiểm soát | | |
| | Bà Trần Minh Trang | Trưởng ban | 1982 |
| | Bà Lương Thị Hương | Thành viên | 1987 |
| | Bà Bùi Thị Tâm | Thành viên | 1990 |
| IV. | Kế toán trưởng | | |
| | Hoàng Anh Tuấn | Kế toán trưởng | 1989 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

12.2 Sơ yếu lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

Ông Vũ Đình Độ : Chủ tịch Hội đồng quản trị

| | |
|---|--|
| Họ và tên | : Vũ Đình Độ |
| Giới tính | : Nam |
| Quốc tịch | : Việt Nam |
| Ngày sinh | : 20/03/1982 |
| Địa chỉ | : 405 nhà 77-TT Hóa Chất, Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội |
| - Trình độ văn hoá | : 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn: | Cử nhân Kinh Tế |
| Quá trình công tác: | |
| | - 2004-2006: Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Kiểm toán KPMG Việt Nam |
| | - 2006-2007: Kiểm toán viên tại KPMG Singapore |
| | - 2007-2008: Giám đốc dự án Phòng Công cụ phái sinh, M&A tại Công ty chứng khoán Sài Gòn |
| | - 2009-2011: Giám đốc khối Nghiên cứu, Phân tích, Đầu tư tại Công ty cổ phần CK Vndirect |
| | - 2011 - 2012: Phó TGD tại Công ty chứng khoán Maritimebank |
| | - 2012-nay: Phó TGD, Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai. |
| Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: | |
| | - Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Tân Phú |



- Thành viên Hội đồng quản trị CTCP đầu tư hạ tầng nước DNP-Long An
- Thành viên Hội đồng quản trị CTCP đầu tư hạ tầng nước DNP- Tiền Giang
- Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP đầu tư hạ tầng nước DNP- Bắc Giang
- Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Đầu tư ngành nước DNP
- Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Nhựa Đồng Nai – Miền Trung
- Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Nhà máy nước Đồng Tâm
- Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Thủy điện Nậm La

Số cổ phần nắm giữ của bản thân tại ngày 19/03/2018: 4.848.176 cổ phần, chiếm 9,69% vốn điều lệ Công ty

Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu của người có liên quan tại ngày 19/03/2018: không

Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: N/A

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Ngô Đức Vũ : Phó Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : Ngô Đức Vũ

Giới tính : Nam

Quốc tịch : Việt Nam

Ngày sinh : 20/07/1976

Địa chỉ : Tổ 10 Pháp Vân, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

- Trình độ văn hoá : 12/12

- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản lý Tài chính

Quá trình công tác:

- 1999-2002: Kế toán Trưởng tại Dự án Phát triển Nông thôn Cao Bằng Bắc Kạn

- 2005-2010: Giám đốc Đầu tư tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam

- 2010-2012: Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt

- 2013-nay: Chủ tịch HĐQT công ty Nhựa Đồng Nai Miền Trung

- 2014-2015: Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

- 2015-31/7/2017: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

- 31/7/2017 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai



Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT – CTCP Nhựa Tân Phú
- Phó TGĐ/TV HĐQT – CTCP Nhà máy nước Đồng Tâm
- TVHĐQT – CTCP Nhựa Đồng Nai Miền Trung
- TVHĐQT – CTCP Bình Hiệp
- TVHĐQT – CTCP Cấp thoát nước Long An
- TVHĐQT – CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ
- TVHĐQT – CTCP Đầu tư hạ tầng nước DNP – Long An
- TV HĐQT – CTCP Đầu tư hạ tầng nước DNP – Tiền Giang

Số cổ phần nắm giữ của bản thân tại ngày 19/03/2018: **237.220** cổ phần, chiếm 0,47% vốn điều lệ Công ty

Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu của người có liên quan tại ngày 19/03/2018: không

Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: N/A

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Bà Phan Thị Thu Thảo : Thành viên HĐQT – Phó TGĐ

Họ và tên : Phan Thị Thu Thảo

Giới tính : Nữ

Quốc tịch : Việt Nam

Ngày sinh : 28/05/1982

Địa chỉ : P503, Nhà A2, chung cư 151A, Nguyễn Đức Cảnh, quận Hoàng Mai, Hà Nội

- Trình độ văn hoá : 12/12

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 2004-2006: Trợ lý kiểm toán các bậc A3,A2 tại KPMG
- 2006-2011: Trợ lý quản lý danh mục kiêm chuyên viên phân tích tại VFM
- 2011-7/2016: Trưởng phòng quản lý danh mục tại VFM
- Tháng 8/2016- 8/4/2017: Giám đốc đầu tư tại DNP
- 8/4/2017-nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai



- 01/9/2017-nay: Phó TGD Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ của bản thân tại ngày 19/03/2018: 40.000 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ Công ty

Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu của người có liên quan tại ngày 19/03/2018: không

Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: N/A

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Nguyễn Văn Hiếu: Thành viên HĐQT- TGD

Họ và tên : Nguyễn Văn Hiếu

Giới tính : Nam

Quốc tịch : Việt Nam

Ngày sinh : 26/08/1982

Địa chỉ : P808, N01B, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

- Trình độ văn hoá : 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 2004-2008: Kiểm toán viên tại Công ty kiểm toán Nexia

- 2009-2012: Giám đốc Tài chính tại Công ty CP đầu tư T&C

- 2012-8/4/2017: Giám đốc kinh doanh, Phó Tổng giám đốc điều hành Công ty CP Nhựa Đồng Nai

- 8/4/2017-nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

- 31/7/2017-nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Đầu tư hạ tầng nước DNP – Long An

- Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Đồng Nai miền Trung

- Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Tân Phú

Số cổ phần nắm giữ của bản thân tại ngày 19/03/2018: 132.210 cổ phần, chiếm 0,26% vốn điều lệ Công ty

Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần.



Số cổ phần sở hữu của người có liên quan tại ngày 19/03/2018: 6.105 cổ phần chiếm 0,01% vốn điều lệ Công ty.

Vợ - Bà Trần Thị Thiện 6.105 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ Công ty

Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: N/A

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Mai Thế Khôi: Thành viên HĐQT

Họ và tên : Mai Thế Khôi

Giới tính : Nam

Quốc tịch : Việt Nam

Ngày sinh : 26/08/1991

Địa chỉ : 170 Lê Hồng Phong, Phường Phú Lợi, Tp.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

- Trình độ văn hoá : 12/12

- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ chuyên ngành Quản lý Đầu tư tài chính

Quá trình công tác:

- 08/2010-02/2011: Chuyên viên phân tích tài chính tại Clifton Asset Management Ltd., Bristol, UK

- 04/2013-02.2015 : Trưởng phòng Đầu tư tại Công ty Cổ phần Chứng Khoán Quốc Gia(NSI)

- 02/2015-12/2015:Phó Tổng Giám đốc phụ trách hoạt động Tư vấn Đầu tư Công ty Cổ phần Chứng Khoán Quốc Gia (NSI)

- 01/2016 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương

- 04/2016 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương .

Số cổ phần nắm giữ của bản thân tại ngày 19/03/2018: 0 cổ phần.

Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu của người có liên quan tại ngày 19/03/2018: 0 cổ phần.

Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: N/A

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không



Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Trần Hữu Chuyên : Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : Trần Hữu Chuyên

Giới tính : Nam

Quốc tịch : Việt Nam

Ngày sinh : 11/01/1959

Địa chỉ : 176 tổ 2 KP1, Trảng Dài, Biên Hòa, Đồng Nai

- Trình độ văn hoá :

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa

Quá trình công tác:

- 1981 đến năm 1984 : Tham gia Quân đội

- 1985 đến năm 1998 : Trưởng phòng Kỹ thuật, Phó Giám đốc Công ty Diêm Đồng Nai

- 1998 đến năm 2003 : Trưởng phòng Kỹ thuật, Phó Giám đốc Công ty Nhựa Đồng Nai

- 2003 đến năm 2013 : Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

- 04 tháng 05 năm 2013 đến năm 2017 : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

- Từ 4/2017 - nay: Phó Tổng giám đốc CTCP Nhựa Đồng Nai

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ của bản thân tại ngày 19/03/2018: 481.448 cổ phần, chiếm 0,96% vốn điều lệ Công ty.

Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu của người có liên quan tại ngày 19/03/2018: 0 cổ phần.

Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: N/A

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Bà Trần Minh Trang: Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên : Trần Minh Trang

Giới tính : Nữ

Quốc tịch : Việt Nam



Ngày sinh : 04/02/1982
Địa chỉ : P603, nhà CT2B, chung cư VOV Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ kinh doanh và quản lý

Quá trình công tác:

- 4/2005-9/2012: Quyền trưởng phòng kế toán Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy
- 2012-2013: Chuyên viên tư vấn kế toán Công ty TNHH Nhịp cầu kinh doanh Sao Sài Gòn
- 1/2014-6/2015: Kế toán viên Công ty CP Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec
- 6/2015-7/2016: Kế toán trưởng chi nhánh miền Bắc Công ty CP Hỗ trợ dịch vụ thanh toán Việt Phú
- T8/2016-T3/2017: Chuyên viên KSNB cao cấp Công ty CP Nhựa Đồng Nai
- T2/2017-nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Nhựa Tân Phú
- T4/2017-nay: Trưởng Ban kiểm soát/ Trưởng phòng KSNB Công ty CP Nhựa Đồng Nai

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Trưởng Ban kiểm soát- Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú

Số cổ phần nắm giữ của bản thân tại ngày 19/03/2018: 12.000 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ Công ty.

Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu của người có liên quan tại ngày 19/03/2018: 0 cổ phần.

Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: N/A

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Bà Lương Thị Hương: Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên : Lương Thị Hương
Giới tính : Nữ
Quốc tịch : Việt Nam
Ngày sinh : 04/03/1987
Địa chỉ : 254/10 Trần Quốc Toản, P.Bình Đa, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

**Quá trình công tác:**

- 11/2009-2/2012: Trợ lý Luật sư tại Công ty TNHH Tư vấn Luật và Kiểm toán Hoàng Gia
- 2/2012-11/2014: Chuyên viên pháp chế tại Công ty cổ phần CTCBIO Việt Nam
- 10/2015- 4/2017: Chuyên viên pháp chế tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai
- 4/2017 – nay: Trưởng phòng Hành chính tổng hợp CTCP Nhựa Đồng Nai
- 4/2017 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên BKS Công ty cổ phần Nhựa Tân Phú

Số cổ phần nắm giữ của bản thân tại ngày 19/03/2018: 10.600 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ Công ty.

Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu của người có liên quan tại ngày 19/03/2018: 0 cổ phần

Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: N/A

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Bà Bùi Thị Tâm: Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : Bùi Thị Tâm

Giới tính : Nữ

Quốc tịch : Việt Nam

Ngày sinh : 14/06/1990

Địa chỉ : 17C Khu 15-16 Phan Văn Trị, Phường 7, Quận Gò Vấp, TP.HCM

- Trình độ văn hoá : 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính-Ngân Hàng

Quá trình công tác:

- 01/2012-04/2012: Thực tập Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- 08/2012-04/2013: Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- 11/2013-02/2016: Chuyên viên phân tích tại Công ty Cổ phần Chứng Khoán Rồng Việt
- 03/2016 đến nay: Chuyên viên phòng Đầu tư tại Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương
- 4/2017 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chuyên viên phòng Đầu tư tại Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương



Số cổ phần nắm giữ của bản thân tại ngày 19/03/2018: 0 cổ phần

Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu của người có liên quan tại ngày 19/03/2018: 0 cổ phần

Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: N/A

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Hoàng Anh Tuấn: Kế toán trưởng

Họ và tên : Hoàng Anh Tuấn

Giới tính : Nam

Quốc tịch : Việt Nam

Ngày sinh : 05/03/1989

Địa chỉ : Phòng 106b, A15, Ngõ 100 đường Trần Đại Nghĩa, P.Đông Tâm, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Trình độ văn hoá : 12/12

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Quá trình công tác:

- 2012 -12/2014: Kế toán tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai VPMB
- 12/2014 -04/2015: Phó phòng TCKT Công ty CP Nhựa Đồng Nai; chức vụ:
- 04/2015-nay: Kế toán trưởng tại Công ty CP Nhựa Đồng Nai

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ của bản thân tại ngày 19/03/2018: 3.320.117 cổ phần, chiếm 6,54% vốn điều lệ Công ty

Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu của người có liên quan tại ngày 19/03/2018 : 0 cổ phần.

Số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: N/A

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

13. TÀI SẢN**Bảng 31: Tình hình tài sản tính đến ngày 31/12/2017 (Hợp nhất)**

Đvt: 1.000 đồng



| Khoản mục | Nguyên giá | Khấu hao lũy kế | Giá trị còn lại |
|-----------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| TSCĐ Hữu hình | 2.040.640.429 | 615.495.979 | 1.425.144.450 |
| Nhà cửa vật kiến trúc | 563.503.212 | 138.678.801 | 424.824.411 |
| Máy móc thiết bị | 552.956.957 | 298.503.397 | 254.453.560 |
| Phương tiện vận tải | 919.392.371 | 175.286.583 | 744.105.788 |
| Thiết bị quản lý | 4.650.573 | 2.985.141 | 1.665.432 |
| TSCĐ khác | 137.315 | 42.057 | 95.258 |
| TSCĐ thuê tài chính | 283.373.692 | 56.548.660 | 226.825.032 |
| TSCĐ Vô hình | 43.762.403 | 4.968.052 | 38.794.350 |
| Tổng tài sản cố định | 2.367.776.524 | 677.012.691 | 1.690.763.833 |

Nguồn: BCTC kiểm hợp nhất cho năm 2017 của DNP

14. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM TIẾP THEO

14.1 Kế hoạch

Dựa vào những hợp đồng đã và đang được ký kết với các đối tác trong và ngoài nước, DNP Corp đã đề ra kế hoạch lợi nhuận và cổ tức cho năm 2018 tương đối thận trọng, với những chỉ tiêu cụ thể như sau:

Bảng 32: Kế hoạch hoạt động kinh doanh và ngân sách tài chính hợp nhất năm 2018

Đvt: đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2017 | Kế hoạch năm 2018 | % tăng giảm |
|------------------------------|--------------------|-------------------|-------------|
| Vốn điều lệ | 500.092.720.000 | 1.000.000.000.000 | 99,96% |
| Doanh thu thuần | 1.504.760.360.833 | 2.461.000.000.000 | 63,55% |
| Lợi nhuận sau thuế | 72.500.507.798 | 150.000.000.000 | 106,90% |
| LN sau thuế/ Doanh thu thuần | 0,05 | 0,06 | 26,50% |
| LN sau thuế/ Vốn điều lệ | 0,14 | 0,15 | 3,47% |
| Tỷ lệ cổ tức dự kiến | 13% | 15% | 15,38% |

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2017, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 – DNP

14.2 Căn cứ chi tiết để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên:

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty được lập căn cứ vào dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin giả định tại thời điểm lập kế hoạch. Các ước tính này có thể được điều chỉnh khi tình hình thực tế có nhiều thay đổi.

Trên cơ sở thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 phê duyệt, Ban điều hành Công ty đã đề ra một số biện pháp cụ thể như sau:



- i) Ống và phụ kiện: Tại mảng ống nhựa hạ tầng DNP đã khẳng định vị thế số 1 Việt Nam, DNP tiếp tục duy trì sản phẩm và dịch vụ chất lượng vượt trội, tạo giá trị gia tăng cho khách hàng. Bên cạnh đó, công ty sẽ mở rộng vào mảng ống nhựa xây dựng dân dụng M&E qua mạng lưới đại lý, bán lẻ đã được tạo dựng với đầy sản phẩm ống nhựa và phụ kiện đa dạng.
- ii) Bao bì: Đối với mảng bao bì xuất khẩu, khai thác tối ưu danh mục khách hàng truyền thống và phát triển sản phẩm hướng đến các thị trường có giá trị và phân khúc cao hơn. Đẩy mạnh phát triển thị trường nội địa bằng cách tham gia các kênh bán lẻ hiện đại, có tốc độ tăng trưởng cao như siêu thị, cửa hàng tiện lợi...
- iii) Nhựa công nghiệp: Sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn an toàn, xanh, sạch, đảm bảo chất lượng cho các ngành y tế, thực phẩm, hàng tiêu dùng..., phát triển các sản phẩm và tập khách hàng phân khúc mới.
- iv) Nước sạch: Tiếp tục phát triển quy mô thông qua việc đầu tư trở thành đối tác chiến lược của các công ty sản xuất nước sạch của Nhà nước cổ phần hoá và nhanh chóng xây dựng, hoàn thành các dự án nhà máy nước mới. Song song với đó là việc cải thiện hiệu quả hoạt động của các nhà máy nước thành viên qua việc áp dụng công nghệ, quy trình và hệ thống quản trị hiện đại.
- v) Tài chính – Quản trị: Nhằm đạt hiệu quả đầu tư và kinh doanh tối ưu tại các công ty và dự án, DNP-Corp sẽ tăng cường quản lý nguồn lực bằng cách quản trị chi phí chặt chẽ và tăng năng suất lao động, hiệu quả hoạt động tại các đơn vị thành viên.
- vi) Tăng vốn điều lệ: Nhằm tận dụng cơ hội đầu tư vào ngành nước qua việc thực hiện các hoạt động M&A các công ty nước sạch tiềm năng và tăng hiệu quả hoạt động các nhà máy nước hiện hữu.

15. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Với tư cách là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (AGRISECO) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của CTCP Nhựa Đồng Nai. CTCP Nhựa Đồng Nai đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho AGRISECO và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai.

16. THỜI HẠN DỰ KIẾN ĐƯA CỔ PHIẾU VÀO GIAO DỊCH TRÊN THỊ TRƯỜNG CÓ TỔ CHỨC



Ngay sau khi hoàn tất đợt chào bán, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục để lưu ký và niêm yết bổ sung tương ứng với số cổ phiếu tăng thêm theo đúng quy định. Thời gian dự kiến niêm yết bổ sung trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

17. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY

Không có

18. CÁC THÔNG TIN TRANH CHẤP, KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY.

Không có

PHẦN V: CỔ PHIẾU CHÀO BÁN**1. LOẠI CỔ PHIẾU**

Cổ phiếu phổ thông

2. MỆNH GIÁ

10.000 đồng/cổ phiếu

3. TỔNG SỐ CỔ PHIẾU DỰ KIẾN CHÀO BÁNTổng số cổ phiếu dự kiến chào bán **38.000.000** cổ phần

Trong đó:

3.1. Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017

- Số lượng cổ phiếu phát hành: 6.500.000 cổ phiếu
- Tỷ lệ thực hiện 100:12,997 (tại thời điểm chốt danh sách, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận được 12,997 cổ phiếu)

3.2. Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

- Số lượng cổ phần chào bán: 21.500.000 cổ phiếu
- Tỷ lệ thực hiện là 100:42,992 (tại thời điểm chốt danh sách, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được 01 quyền mua và cứ 100 quyền mua sẽ được mua 42,992 cổ phiếu mới)

3.3. Phát hành cổ phiếu riêng lẻ:

- Số lượng cổ phần chào bán: 10.000.000 cổ phiếu
- Hạn chế chuyển nhượng: 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán riêng lẻ
- Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư phát hành riêng lẻ:
 - ✓ Là các nhà đầu tư có năng lực tài chính;
 - ✓ Sẵn sàng hỗ trợ Công ty trong công tác quản lý, tài chính, huy động vốn.
- Danh sách nhà đầu tư phát hành riêng lẻ:

| Stt | Tên nhà đầu tư | Số GCN ĐKDN | SLCP sở hữu trước chào bán | SLCP được phân phối |
|-----|-------------------------------|--|----------------------------|---------------------|
| 1 | CTCP Đầu tư Châu Á Thống Nhất | Số 2300986838 do Sở KH và ĐT tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 22/06/2017 | 0 | 4.500.000 |
| 2 | CTCP Đầu tư VSD | Số 2300940336 do Sở KH và ĐT tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 10/06/2016 | 2.804.328 | 2.500.000 |
| | Công ty TNHH Capella | Số 0106914596 do Sở KH | 750.407 | 3.000.000 |



| Stt | Tên nhà đầu tư | Số GCN ĐKDN | SLCP sở hữu trước chào bán | SLCP được phân phối |
|-----|------------------|----------------------------------|----------------------------|---------------------|
| 3 | Group | và ĐT Hà Nội cấp ngày 24/07/2015 | | |
| | Tổng cộng | | | 10.000.000 |

4. GIÁ CHÀO BÁN DỰ KIẾN

4.1. Chào bán cho cổ đông hiện hữu

- Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phần

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/04/2018 của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai

4.2. Chào bán riêng lẻ

- Giá chào bán : 12.000 đồng/cổ phần

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/04/2018 của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai & Nghị quyết HĐQT số 02/2018/NQ-HĐQT. ngày 14/05/2018

5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ

Giá chào bán của cổ phiếu phát hành được xác định dựa trên các phương pháp sau đây

- Phương pháp Giá trị sổ sách (BV)
- Phương pháp Giá thị trường

5.1 Phương pháp Giá trị sổ sách

Việc xác định giá trị sổ sách một cổ phiếu của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai được dựa trên số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính 2017 kết thúc tại thời điểm 31/12/2017, giá trị sổ sách một cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2017 được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành = Tổng số cổ phiếu – Số lượng cổ phiếu quỹ

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành = 50.009.272 - 10 = 50.009.262 cổ phần

| Chi tiêu | Đơn vị tính | 31/12/2017 |
|-------------------------------------|-------------|-----------------|
| Tổng nguồn vốn chủ sở hữu (1) | Đồng | 968.425.840.770 |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát (2) | Đồng | 287.265.324.969 |



| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | 31/12/2017 |
|-------------------------------------|---------------|-----------------|
| Vốn Chủ sở hữu (3) = (1) – (2) | Đồng | 681.160.515.801 |
| Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành (4) | Cổ phiếu | 50.009.262 |
| Giá trị sổ sách (5) = (3) / (4) | Đồng/Cổ phiếu | 13.621 |

Như vậy, giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai tại thời điểm 31/12/2017 là 13.621 đồng/cổ phiếu.

5.2 Phương pháp giá thị trường

Thị giá cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền chốt danh sách cổ đông họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 (ngày 19/03/2017) là 19.000 đồng/CP.

5.3 Xác định giá chào bán

Do tính đến ảnh hưởng của thị trường và mức độ pha loãng giá cổ phiếu sau khi phát hành, để đảm bảo đợt phát hành thành công, Hội đồng quản trị đề xuất mức giá phát hành cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu, cho nhà đầu tư phát hành riêng lẻ là 12.000 đồng/cổ phần

Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/04/2018 của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai phê duyệt giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phần, cho Nhà đầu tư phát hành riêng lẻ tối thiểu là 12.000 đồng/cổ phần.

6. PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI

- Đối với các cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Phân phối thông qua các thành viên lưu ký.
- Đối với các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Phân phối tại trụ sở Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai
- Đối với cổ đông chiến lược: Phân phối tại trụ sở Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai
- Thời điểm cụ thể chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2018 sẽ được Công ty công bố tới tất cả các cổ đông trong vòng 07 ngày kể từ ngày DNP nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

7. THỜI GIAN PHÂN PHỐI

Việc phân phối cổ phần chào bán thêm dự kiến sẽ được tiến hành tối đa trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực, Hội đồng quản trị sẽ quyết định cụ thể sau khi có Giấy phép của UBCKNN.

7.1 Chào bán cho cổ đông hiện hữu

Bảng 33: Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

| STT | Nội dung công việc | Thời gian |
|-----|--|-----------|
| 1 | Nhận được cấp phép chào bán chứng khoán ra công chúng. | D |



| STT | Nội dung công việc | Thời gian |
|-----|---|-------------------|
| 2 | Xác định ngày lập Danh sách sở hữu cuối cùng và thông báo chốt danh sách cổ đông với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) để triển khai | D đến D+2 |
| 3 | Công bố thông tin về đợt chào bán trên báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số liên tiếp. | D đến D + 7 |
| 4 | Ngày giao dịch không hưởng quyền. | D + 10 |
| 5 | Ngày đăng ký cuối cùng. | D + 12 |
| 6 | Phối hợp cùng VSD phân bổ và thông báo danh sách phân bổ quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán. | D + 18 đến D + 24 |
| 7 | Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần | D + 20 đến D + 40 |
| 8 | Thành viên lưu ký (TVLK) tổng hợp việc thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu và chuyển về cho VSD. | D + 41 đến D+50 |
| 9 | VSD gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa | D + 53 đến D+52 |
| 10 | Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu với UBCKNN; Nộp Hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung & hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung | D + 52 |
| 11 | Nhận giấy phép lưu ký bổ sung & đăng ký niêm yết bổ sung | D + 62 |
| 12 | Công bố báo chí về việc lưu ký bổ sung & niêm yết bổ sung | D + 63 |
| 13 | Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký | D + 53 đến D+ 64 |
| 14 | Cổ phiếu được chào bán thêm chính thức được giao dịch | D + 65 |

7.2 Chào bán cho Nhà đầu tư phát hành riêng lẻ

Bảng 34: Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu cho Nhà đầu tư phát hành riêng lẻ

| STT | Nội dung công việc | Thời gian |
|-----|---|-------------------|
| 1 | Nhận được cấp phép chào bán chứng khoán ra công chúng. | D |
| 2 | Gửi thông báo tới Nhà đầu tư về thời hạn nộp tiền mua cổ phần và các thông tin có liên quan | D đến D+5 |
| 3 | Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua cổ phần | D + 7 đến D + 27 |
| 4 | Gửi báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung | D + 28 |
| 5 | Nhận giấy phép lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung | D + 47 |
| 6 | Công bố thông tin về việc niêm yết bổ sung | D + 47 |
| 7 | Trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông | D + 37 đến D + 47 |



8. ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHIẾU

8.1 Cổ đông hiện hữu

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày quyền mua có hiệu lực, cổ đông thuộc Danh sách sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần và nộp tiền theo tỷ lệ được mua đã quy định. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở TVLK nào sẽ đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần tại TVLK đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần tại Công ty và nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong toả (chi tiết về tài khoản phong toả theo mục VI.15 dưới đây).

8.2 Cổ đông mua cổ phần phát hành riêng lẻ

DNP Corp sẽ tiến hành thông báo về đợt chào bán tới các Nhà đầu tư có tên trong danh sách được mua cổ phần phát hành riêng lẻ. Các Nhà đầu tư tiến hành đăng ký và nộp tiền mua cổ phần tại Trụ sở chính Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai theo thủ tục và trong thời hạn 20 ngày làm việc. Thời gian cụ thể sẽ được thông báo sau.

9. PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN QUYỀN

9.1 Đối tượng và điều kiện thực hiện quyền

- Cổ đông hiện hữu: Các cổ đông hiện hữu thuộc Danh sách người sở hữu cuối cùng tại ngày chốt danh sách phân bổ quyền mua.
- Cổ đông chiến lược: Các cổ đông chiến lược có tên trong danh sách được mua cổ phần.

9.2 Tỷ lệ thực hiện quyền:

- Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu: 100:12,997 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 12,997 cổ phiếu mới)
- Quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu: 100:42,992 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được quyền mua 42,992 cổ phiếu).

9.3 Thời gian thực hiện quyền

Theo thời gian nêu trong lịch trình dự kiến tại mục V.7

9.4 Phương thức thanh toán quyền mua cổ phần

- Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phần tại các Công ty chứng khoán: việc đăng ký mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại các công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phần tại các Công ty chứng khoán: việc đăng ký mua cổ phần, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.
- Đối với các Nhà đầu tư phát hành riêng lẻ: việc đăng ký mua cổ phần thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.

9.5 Chuyển giao cổ phiếu



Trong vòng 30 ngày sau khi hoàn tất đợt phát hành, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai sẽ chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký tại Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.

10. CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN MUA CỔ PHIẾU

10.1 Quyền mua cổ phiếu được phép chuyển nhượng

Nguyên tắc chuyển nhượng: Người sở hữu quyền mua cổ phần có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho người khác và chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần (không được chuyển nhượng cho người thứ ba).

Thủ tục thực hiện chuyển nhượng quyền mua cổ phần: Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phần tự tìm đối tác và thỏa thuận việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần (nếu có nhu cầu). Các cổ đông đã lưu ký sẽ thực hiện việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại TVLK VN nơi bên chuyển nhượng mở tài khoản. Cổ đông chưa lưu ký sẽ thực hiện chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại Trụ sở của DNP.

Công bố thông tin về việc chuyển nhượng/ nhận quyền mua cổ phần: Người nội bộ (bao gồm các thành viên HĐQT, Thành viên Ban TGD, Thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, người phụ trách Công bố thông tin) cần Công bố thông tin về việc chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng quyền mua theo các quy định hiện hành tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC.

10.2 Thời gian thực hiện chuyển nhượng quyền mua cổ phần

Thời gian để cổ đông thực hiện việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần (nếu có nhu cầu) là 18 ngày kể từ ngày phân bổ quyền mua.

Lưu ý: Trong thời hạn đăng ký thực hiện quyền mua, các cổ đông không thực hiện quyền mua của mình thì sẽ bị mất quyền mua cổ phần mới mà không nhận được bất cứ sự đền bù nào của DNP

11. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống, số cổ phần còn dôi dư do cổ đông không đăng ký mua hết (nếu có)

❖ Đối với cổ phiếu phát hành trả cổ tức năm 2017

Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu dư: Số cổ phần nhận được sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ được HĐQT hủy bỏ.

❖ Đối với cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu

- Đối tượng: Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng cổ phiếu lẻ (nếu có) và số cổ phiếu còn dư mà cổ đông không mua hết khi thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm (nếu có) sẽ do HĐQT quyết định đối tượng, số lượng phân phối nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty. Giá bán cổ phiếu còn dư, cổ phiếu lẻ: có thể thấp hơn giá trị sổ sách tại thời điểm chào bán nhưng không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần.



- Việc phân phối cổ phiếu nêu trên đảm bảo nguyên tắc không phát hành quá 10% cho một tổ chức, cá nhân hay một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan của tổ chức, cá nhân đó theo quy định của luật số 62/2010/QH12, Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ và tuân thủ quy định tại khoản 2, Điều 189 Luật Doanh nghiệp, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và công ty. Đồng thời Công ty không phân phối cổ phiếu lẻ, cổ phiếu còn dư cho các cổ đông nước ngoài để làm tăng tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty. Sau khi có kết quả phân phối cổ phần, xác định được số cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn xuống, số lượng cổ phiếu dôi dư do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết, Hội đồng quản trị sẽ ra nghị quyết phân phối với danh sách đối tượng được mua cụ thể tại Nghị quyết.
- Hạn chế chuyển nhượng: phần cổ phiếu lẻ và còn dư được xử lý nói trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2017 và báo cáo kết quả chào bán với UBCK NN.

❖ **Đối với cổ phiếu phát hành cho Nhà đầu tư phát hành riêng lẻ**

Số lượng cổ phiếu còn dư do các nhà đầu tư phát hành riêng lẻ từ chối mua sẽ được hủy bỏ.

10. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẪM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Với danh mục ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Công ty đã thực hiện tra soát theo quy định của Luật đầu tư số 67/2014/QH13 được Quốc hội 13 thông qua ngày 26/11/2014, Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Công ty có một số ngành nghề kinh doanh thuộc nhóm ngành có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài (*Xây dựng nhà các loại, Xây dựng công trình công ích, Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, Bưu chính, In ấn, Dịch vụ liên quan đến in, Đại lý du lịch, Dịch vụ du lịch*).
- Sau khi tra soát Danh mục điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài và áp dụng quy định tại khoản 2, Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP, tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tối đa là 49% trừ ngành Đại lý du lịch, Dịch vụ du lịch thì đối với hoạt động dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài thì hạn chế nhà đầu tư nước. Vì vậy Công ty cam kết sẽ rút hai ngành nghề kinh doanh: Đại lý du lịch và Dịch vụ du lịch tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất, để Công ty sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tối đa là 49% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Nhựa Đồng Nai tại ngày 19/03/2018 (thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018) là 1.869.956 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 3,74%.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai cam kết xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu dôi dư theo đúng quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và các quy định có liên quan tới tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại công ty đại chúng.

11. CÁC HẠN CHẾ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG



- Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần và không chuyển nhượng cho người thứ ba;
- Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu trong đợt này, là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.
- Số cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí và phương thức phân phối cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Số lượng cổ phiếu phát hành cho đối tác chiến lược: hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

14. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

14.1 Các loại thuế liên quan tới Công ty

❖ Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

- Năm 2017, Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế (Theo thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12)
- Thu nhập chịu thuế bao gồm cả thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán (theo Điều 14, 15 Chương IV Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12).

❖ Thuế giá trị gia tăng:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chịu thuế Giá trị gia tăng theo đúng các quy định hiện hành.
- Hoạt động chuyển nhượng chứng khoán của Công ty không phải chịu thuế Giá trị gia tăng. theo Thông tư 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008.

14.2 Các loại thuế liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán

- Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016: Công ty chịu mức thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất hiện hành là 20%.
- Thuế chuyển nhượng chứng khoán: Nhà đầu tư phải nộp thuế chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% giá trị chuyển nhượng.

15. NGÂN HÀNG MỞ TÀI KHOẢN PHÒNG TỎA NHẬN TIỀN MUA CỔ PHIẾU

- Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai
- Số tài khoản: 2001 0000 1760 9000
- Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Đồng Nai

**PHẦN VI: MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

Căn cứ theo nội dung Tờ trình v/v chào bán cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ đính kèm Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/04/2018 của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai, tổng số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

PHẦN VII: KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**1. DỰ KIẾN SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH****Bảng 35: Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành**

| Khoản mục | Số lượng cổ phiếu phát hành (CP) | Giá dự kiến (đồng) | Số tiền dự kiến thu được (đồng) |
|---|----------------------------------|--------------------|---------------------------------|
| Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 | 6.500.000 | 10.000 | 0 |
| Chào bán cho cổ đông hiện hữu | 21.500.000 | 10.000 | 215.000.000.000 |
| Chào bán cho đối tác chiến lược | 10.000.000 | 12.000 | 120.000.000.000 |
| Tổng cộng | 38.000.000 | | 335.000.000.000 |

2. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

Căn cứ theo nội dung Tờ trình v/v chào bán cổ phiếu ra công chúng nhằm tăng vốn điều lệ đính kèm Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/04/2018 và Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 13/05/2018 của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai, tổng số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

| STT | Mục đích sử dụng vốn – Bổ sung vốn lưu động | Tổng cộng |
|-----|---|------------------------|
| 1 | Trả nợ vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | 100.000.000.000 |
| 2 | Trả nợ vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 190.000.000.000 |
| 3 | Ngân hàng TMCP Việt Á | 45.000.000.000 |
| | Tổng | 335.000.000.000 |

Căn cứ vào tình hình thực tế Hội đồng quản trị Công ty có thể tiến hành điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn nói trên nếu thấy cần thiết. Hội đồng quản trị sẽ thực hiện báo cáo cổ đông tại kỳ đại hội gần nhất đối với trường hợp điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn.



PHẦN VIII: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM (AGRISECO)

Trụ sở chính : Tầng 5, tòa nhà Artex, 172 Ngọc Khánh, P. Giảng Võ, Q. Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại : (84-24) 6276 2666 Fax : (84-24) 6276 5666

Website : www.agriseco.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Trụ sở chính

Địa chỉ : Tầng 2 , Tòa nhà Indochina, 4 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Quận 1, HCM

Điện thoại : 84-(08)-2220 0237 Fax: +84-(08)- 2220 0265

Website : <http://pkf.afcvietnam.vn>

Chi nhánh phía Bắc

Địa chỉ : Phòng 709 , Sunrise Building Số 90 Đường Trần Thái Tông, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Điện thoại : 04 3200 2016 | Fax: 04 3200 2016

Website : <http://pkf.afcvietnam.vn>

2. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (AGRISECO) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách thận trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán:

- Mục đích của đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu & cho đối tác phát hành riêng lẻ lần này nhằm huy động vốn để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tăng vốn điều lệ, Nhựa Đồng Nai vừa có thể nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, đồng thời giảm bớt gánh nặng chi phí tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Khối lượng chào bán cho cổ đông hiện hữu đợt này là 21.500.000 cổ phần (tương đương 42,992% vốn điều lệ của Công ty, tỷ lệ thực hiện quyền 100:42,992). Giá chào bán cổ phiếu DNP cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phần là lợi thế so với giá thị trường của cổ phiếu DNP tại ngày 19/03/2018 (ngày chốt danh sách Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018) là 19.000 đồng/cổ phần. Do vậy, tỷ lệ chào bán thành công khá cao, Công ty sẽ có đủ nguồn vốn lưu động để phát triển quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh.



- Khối lượng chào bán cho đối tác phát hành riêng lẻ đợt này là 10.000.000 cổ phần (tương đương với 25% vốn điều lệ), giá chào bán là 12.000 đồng/cổ phần. Được ĐHĐCĐ ủy quyền tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược, HĐQT đã đàm phán thành công với các nhà đầu tư tham gia mua cổ phần theo hình thức phát hành riêng lẻ.
- Các cổ đông tham dự Đại hội đồng thuận cao với phương án phát hành.

Với những nhận định trên, chúng tôi – Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cho rằng đợt chào bán 31.500.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu & nhà đầu tư phát hành riêng lẻ của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai là phù hợp với định hướng và kế hoạch phát triển của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 thông qua.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

3. ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH

Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) phân phối và thông báo quyền mua cổ phiếu DNP cho các cổ đông CTCP Nhựa Đồng Nai thông qua các Công ty Chứng khoán – Thành viên lưu ký của VSD. Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông CTCP Nhựa Đồng Nai.

4. CÁC KHOẢN PHÍ VÀ ĐIỀU KIỆN KÈM THEO

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về quyền mua, thực hiện nộp tiền mua cổ phiếu tại Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch (đối với cổ đông đã lưu ký) hoặc tại Trụ sở Công ty Cổ phần CTCP Nhựa Đồng Nai (đối với cổ đông chưa lưu ký).



PHẦN IX: PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty.
3. Phụ lục III: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/04/2018 của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai và Nghị quyết HĐQT thông qua hồ sơ đăng ký chào bán.
4. Phụ lục IV: Nghị quyết HĐQT về việc thông qua hồ sơ chào bán ra công chúng của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai.
5. Phụ lục V: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, năm 2017; BCTC Quý I/2018 (Hợp nhất và riêng lẻ)
6. Phụ lục VI: Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng với công ty chứng khoán
7. Các văn bản tài liệu khác.



Đồng Nai, ngày 20 tháng 6 năm 2018

TỜ CHỨC PHÁT HÀNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN HIẾU

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



VŨ ĐÌNH ĐỘ

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

TRẦN MINH TRANG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HOÀNG ANH TUẤN

Hà Nội, ngày tháng năm 2018



Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2018

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐÌNH NGỌC PHƯƠNG